|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT ĐỐNG ĐA** **NĂM HỌC 2019 - 2020** | **NỘI DUNG ÔN TẬP - KHỐI 0****TUẦN 6 + 7 – HK II** |

1. **MÔN TOÁN**

**A-ĐẠI SỐ**

**I. BPT, HỆ BPT QUY VỀ BẬC NHẤT, BẬC HAI**

**Bài 1**: Giải các bpt sau:

1.  3. 

2.  4. 

5. 6. $\frac{(x^{2}-x-12)(2-5x)}{9-4x^{2}}$≥ 0

**Bài 2**: Giải các bpt sau:

 1.  4. 

 2.  5. 

 6. |x2 – x – 6| < 2 – 3x

7. 8.

**Bài 3:** Giải các bpt sau:

1.  7. 

2.  8. 

3.  9. 

4.  10.

5.  11. 

6.  12.

13. $\sqrt{x^{2}-4x}\leq 2x-1$14. 

15. 16.

**Bài 4**: Giải các hệ bpt sau:

1.  3. 

2. 

**Bài 5**: a. Tìm m để bpt sau nghiệm đúng với mọi x

(m2+4m-5)x2-2(m-1)x+2<0

b. Tìm m để bpt sau vô nghiệm:

m(m+8)x2-2(m+8)x+8m+1 ≥0

1. Với những giá trị nào của m thì bất phương trình sau vô nghiệm

 

**Bài 6**: 1. Tìm m để bpt sau có nghiệm:



2. Tìm m để bpt sau nhận mọi x thuộc [1;2] làm nghiệm:



3. Tìm m để hệ bpt sau có nghiệm



**PHẦN B: HÌNH HỌC**

**Bài 1:**Cho tam giác ABC có A(-3;2); cạnh BC nằm trên đt có pt: 

đường cao BH nằm trên đt có pt: x-y=2

1. Viết PTĐT chứa cạnh AC

2. Tìm tọa độ đỉnh B, C

**Bài 2**: Cho tam giác ABC có A(5;1); các đường cao BB’: 2x-3y+3=0;

CC’: x-y+6=0

a. Viết phương trình các cạnh AB, AC của tam giác.

b. Tìm tọa độ đỉnh B, C của tam giác. Viết phương trình đường phân giác

trong góc A của tam giác.

**Bài 3**: Trong mặt phẳng với hệ tọa độ Oxy; cho đt d:x+2y+4=0 và A(4;1).

1. Tìm tọa độ hình chiếu của A lên d

2. Tìm trên d một điểm B sao cho tam giác ABH vuông cân

**Bài 4**: Trong mp tọa độ Oxy cho 2 điểm A(-1;-2); B(1;2) và đt d: 7x-y-5=0

1. Viết PTTS, PTTQ của đt AB

2. Tìm tọa độ điểm A’ đối xứng với A qua đt d

**Bài 5**: Trong mp tọa độ Oxy cho A(0;8), B(8;0); C(2;0)

1. Viết pt đt đi qua C và vuông góc với AB

2. Tính diện tích tam giác ABC

**Bài 6**: Trong mặt phẳng Oxy cho đường tròn (C): x2+y2-4x-6y-12=0

và đt d: 2x-y=0

1. Xác định tọa độ tâm và bán kính đường tròn (C)

2. Viết ptđt  song song với đt d và tiếp xúc với (C)

3. Tìm điểm M thuộc đt d sao cho cách A(-1;-1) một khoảng bằng 3.

**Bài 7**: Trong mặt phẳng tọa độ Oxy cho A(-3;2)

1. Xác định tọa độ các điểm B, C, D sao cho tứ giác ABCD là 1 hình chữ

nhật có 2 trục đối xứng là Ox, Oy.

1. Tính góc giữa 2 đường chéo AC và BD

**CÁC ĐỀ ÔN TẬP**

**ĐỀ 1**

***Câu 1***: Giải bất phương trình:

1. 
2. 
3. 
4. 

***Câu 2***:

 Cho hàm số 

 Tìm m để f(x) > 0 với mọi x thuộc R

***Câu 3*** : Cho tam giác ABC có đỉnh A(-3;2), phương trình đường thẳng BC: ,phương trình đường cao BH: x-y=0.

1. Viết phương trình cạnh AB của tam giác.
2. Tìm tọa độ đỉnh B và C
3. Tìm điểm D thuộc đường thẳng AC sao cho $∆$ ABD vuông tại B.

**ĐỀ 2**

**Câu 1.** Giải bất phương trình sau:

1. 
2. 
3. 
4. 
5. 

**Câu 2**. Cho f(x) = (2m – 1)x2 + (2m – 1)x + 1

 Tìm m để f(x) luôn dương với mọi x thuộc R

**Câu 3.** Cho điểm I(- 5; 4) và đường thẳng (d): x – y + 3 = 0

a/ Viết PT đường thẳng đi qua I và M, biết M thuộc d có hoành độ là 2.

b/ Tìm điểm H là hình chiếu vuông góc của I lên (d)

c/ Viết phương trình đường thẳng (d’) đi qua điểm I và tạo với (d) góc 450

**ĐỀ 3**

***Câu 1***: Giải bất phương trình:

1. 
2. 
3. 
4. 

***Câu 2.***Cho hàm số: f(x) = mx2 – 2(m+1)x - 2m – 2

 a) Với m = 2, giải bất phương trình: f(x) > 0

 b) Tìm m để bất phương trình f(x) > 0 vô nghiệm.

***Câu4.***Trong mặt phẳng Oxy cho ba điểm A(-2; 0), B(0; 4), M(4; 7).

1. Viết PT đường thẳng d đi qua A và N, biết N là trung điểm của BM.
2. Tìm tọa độ điểm B’ đối xứng với B qua d.
3. Tìm điểm I nằm trên đường thẳng đi qua hai điểm A, B và I cách M một khoảng bằng 5.

**ĐỀ 4**

***Câu 1***: Giải bất phương trình:

1. 
2. 
3. 
4. 

***Câu 2:*** Cho f(x) = (m – 1)x2 – 2(m – 1)x + 3

1. Với m = 0, giải bất phương trình: f(x) + 5 > 0
2. Tìm m để bất phương trình f(x) > 0 nghiệm đúng mọi x ∈ R

***Câu 3:*** Trong mặt phẳng tọa độ Oxy, cho đường thẳng $∆: \left\{\begin{matrix}x=-6+4t\\y=2-3t\end{matrix}\right.$

1. Viết phương trình tổng quát của đường thẳng d đi qua I(1;-2) và vuông góc với đường thẳng $∆.$
2. Viết phương trình đường thẳng d’ song song với đường thẳng và khoảng cách từ I tới d’ bằng 1.

1. Tìm điểm M trên sao cho tam giác IOM có diện tích bằng 5.

1. **MÔN VĂN**
2. **LÝ THUYẾT – KĨ NĂNG:*Yêu cầu hs ôn tập, nắm vững:***
3. Kĩ năng làm bài văn ***thể loại Thuyết minh***.
4. Kĩ năng làm ***bài đọc hiểu***.
5. Kiến thức đọc hiểu văn bản các bài: ***Phú Sông Bạch Đằng, Bình Ngô Đại Cáo***.
6. **BÀI TẬP THỰC HÀNH:**

**Bài tập 1**: Anh/ chị hãy viết một bài văn thuyết minh giới thiệu về ***một di tích lịch sử - văn hóa ở quận Đống Đa – Hà Nội.***

**Bài tập 2**: ***Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi sau:***

(1) Trương Hán Siêu (? – 1354), tự là Thăng Phủ, quê ở thôn Phúc Am, xã Ninh Thành, nay thuộc thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Các vua Trần rất kính trọng Trương Hán Siêu, thường gọi ông là “thầy”.Là người tài đức vẹn toàn nên khi qua đời, ông được thờ ở Văn Miếu. Tác phẩm của Trương Hán Siêu có: Bạch Đằng giang phú, Dục Thuý sơn Linh Tế tháp kí (Bài kí ở tháp Linh Tế trên núi Dục Thuý), Khai Nghiêm tự bi kí (Bài kí trên bia chùa Khai Nghiêm) và Cúc hoa bách vịnh,… Thơ văn Trương Hán Siêu thể hiện tình cảm yêu n­ước, ý thức dân tộc, tinh thần trách nhiệm đối với xã tắc của một người đề cao Nho học.

(2) Phú sông Bạch Đằng là loại phú cổ thể: mượn hình thức đối đáp chủ – khách để thể hiện nội dung, vận văn và tản văn xen nhau, kết thúc bằng một bài thơ. Loại phú cổ thể (có tr­ước đời Đường) được làm theo lối văn biền ngẫu hoặc lối văn xuôi có vần, khác với phú Đường luật (có từ đời Đường) có vần, có đối, có luật bằng trắc chặt chẽ.

(3) Bài Phú sông Bạch Đằng thể hiện niềm hoài niệm về chiến công của các anh hùng dân tộc, nêu cao vai trò của yếu tố con người với tinh thần ngoan cường, bất khuất trong sự nghiệp dựng n­ước và giữ n­ước.

( Học tốt Ngữ văn 10 nâng cao,Tập 2,NXBĐHQG, 2006)

1/ Nêu ý chính của văn bản ?

2/ Xác định phương thức biểu đạt của văn bản ?

3/ Sông Bạch Đằng thuộc tỉnh Ninh Bình hay Quảng Ninh ?

4/ Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ niềm tự hào của bản thân về dòng sông Bạch Đằng.

**Bài tập 3: *Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi sau:***

 *Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,*
*Quân điếu phạt(\*) trước lo trừ bạo.*
*Như nước Đại Việt ta từ trước,*
*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.*
*Núi sông bờ cõi đã chia,*
*Phong tục Bắc Nam cũng khác.*
*Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập,*
*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.*
*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,*
*Song hào kiệt đời nào cũng có.*
(Trích *Đại cáo bình Ngô* – Nguyễn Trãi, bản dịch của Bùi Kỉ, *Ngữ văn 10*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam)
Chú thích: (\*) *Điếu phạt*: (*điếu*: thương, *phạt*: trừng trị) rút từ ý “Điếu dân phạt tội” nghĩa là thương dân, đánh kẻ có tội.

1. Văn bản đã xác định nền độc lập, chủ quyền của nước Đại Việt ở những yếu tố nào?

2. Việc sử dụng những từ ngữ: *từ trước, vốn xưng, đã lâu, đã chia, bao đời*nhằm khẳng định điều gì?

3. Từ việc đọc hiểu văn bản trên, hãy viết một đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) trình bày suy nghĩ của anh/chị về việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của đất nước ta hiện nay.

1. **MÔN TIẾNG ANH**

**UNIT 7: CULTURAL DIVERSITY**

**PHẦN I: LÝ THUYẾT**

**1. Vocabulary**

1. diversity (n): sự đa dạng
2. cultural (adj): thuộc về văn hóa
3. similarity (n): sự tương đồng
4. ceremony (n): buổi lễ
5. proposal (n): sự cầu hôn
6. engagement (n): sự đính hôn
7. complicated (adj): phức tạp
8. bride (n): cô dâu
9. groom (n): chú rể = bridegroom
10. bridesmaid (n): phù dâu
11. best man (n): phù rể = groomsman
12. unnecessary (adj): không cần thiết
13. expense (n): chi phi
14. reception (n): tiệc chiêu đãi
15. in accordance with: phù hợp với
16. properly (adv): 1 cách phù hợp/ đúng đắn
17. dumpling (n): bánh bao
18. meat filling: nhân thịt
19. clean-up (n): việc dọn dẹp
20. legal (adj): hợp pháp
21. standard of living: tiêu chuẩn sống
22. vary (v): thay đổi, biến đổi
23. high-status: có địa vị cao
24. big day = wedding day: ngày cưới
25. favourable (adj): thuận lợi
26. altar (n): bàn thờ
27. ancestor (n): ông bà, tổ tiên
28. superstition (n): tín ngưỡng, sự mê tín
29. superstitious (adj): mê tín
30. mystery (n): điều huyền bí
31. mysterious (adj): huyền bí
32. legend (n): truyền thuyết
33. ritual (n): lễ nghi
34. prestigious (adj): có uy tín
35. soul (n): linh hồn
36. venture (n): dự án
37. fork (n) cái dĩa
38. clover (n): cỏ ba lá
39. magpie (n): chim chích chòe
40. samovar (n): ấm đun trà (của Nga)
41. beetroot (n): củ cải đường
42. figure skating (n): môn trượt băng nghệ thuật
43. scatter (v): tung, rải
44. wrestling (n): môn đấu vật
45. newly-wed (n): người vừa mới lập gia đình
46. decent (adj): kha khá
47. prosperous (adj): thịnh vượng
48. self-reliance (n): sự tự lực
49. ask sb out on a date: hẹn hò ai đi chơi
50. introduce sb to sb: giới thiệu ai với ai
51. fiancée (n): vị hôn phu (chồng sắp cưới)
52. change one’s (my, your, his….) mind: thay đổi quyết định

**2. Grammar**

**2.1. Comparative and superlative adjectives (Tính từ so sánh hơn và so sánh nhất)**

**2.1.1. Form:**

\* Tính từ gồm 1 âm tiết: hard, cold, short, smart...

**So sánh hơn: adjective + er**

e.g. This ruler is shorter than that one. (Cái thước này ngắn hơn cái thước kia)

**So sánh nhất: the + adjective + est**

e.g. This is the shortest ruler. (Đây là cái thước ngắn nhất)

+ Với tính từ gồm 1 âm tiết tận cùng là -e thì chỉ + r/st: nice, fine, wide...

e.g. Her bag is nice**r** than yours.

e.g. That is the nice**st** bag.

+ Với tính từ gồm 1 âm tiết tận cùng là 1 nguyên âm đơn đứng giữa 2 phụ âm: hot, fat, thin ...

 → gấp đôi phụ âm cuối + -er/est

e.g. The black cat is fatter than the white one.

e.g. It is the fattest cat.

+ Với tính từ gồm 2 âm tiết tận cùng là phụ âm + y: happy, noisy, busy .. → bỏ -y + -ier/ -iest

e.g. Linda is happier than Mary.

e g. This is the happiest wife.

\* Tính từ gồm 2 âm tiết trở lên: active, beautiful, expensive, dangerous ....

**So sánh hơn: more + adjective**

eg. Driving a motorbike is more dangerous than riding a bicycle .

 (Đi xe máy thì nguy hiểm hơn đi xe đap)

**So sánh nhất: the + most + adjective**

e.g. That is the most dangerous action. (Đó là hành động nguy hiểm nhất)

* **Ngoại lệ:** Một số tính từ so sánh hơn và so sánh nhất không theo các quy tắc trên: good, bad, far, many, much, little ....

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tính từ/ Trạng từ** | **So sánh hơn** | **So sánh nhất** |
| Good/ wellBad/ badlyOldFarLittleMuch/ many | BetterWorseOlder/ elderFather/ furtherLessMore | BestWorstOldest/ eldestFarthest/furthestLeastMost |

**\*Notes:**

**Ta có thể dùng: slightly, far, by far, a lot, much, significantly ...** để nhấn mạnh cho so sánh hơn hoặc so sánh nhất.

e.g. This house is much bigger than that one. (Ngôi nhà này lớn hơn ngôi nhà kia nhiều)

- Để diễn tả kém ... hơn, kém... nhất ta dùng: **less + adjective the least + adjective**

e.g: This is the least safe place. (Đây là nơi kém an toàn nhất)

**2.1.2. Use:**

**a) Tính từ so sánh hơn được dùng để:**

+ So sánh 2 đối tượng hoặc nhóm đổi tượng(người, vật, nơi chốn) với nhau.

e.g. Peter is stronger than Linda.

+ So sánh cùng một người, vật, nơi chốn ở hai thời điểm khác nhau.

e.g. This item is more expensive (this year) than it was last year.

 (Mặt hàng này đắt hơn năm ngoái)

**\* Note:** Chúng ta có thể bỏ mệnh đề “than” nếu ta rõ đối tượng được so sánh.

e.g. There are 20 boys and 20 girls in this class. The boys are more active (than the girls are).

(Có 20 bạn nam và 20 bạn nữ trong lớp này. Các bạn nam thì năng động hơn)

 **b) Tính từ so sánh nhất được dùng để:**

- So sánh 1 đối tượng trong nhóm (người, vật, nơi chốn, thời điểm) với các đối tượng còn lại.

e.g: This is the cheapest hotel in this area. (Đây là khách sạn rẻ nhất trong khu vực này)

e.g: Spring is the most pleasant season (of the four). (Mùa xuân là mùa dễ chịu nhất trong bốn mùa)

**\*Note:**

So sánh nhất còn có thể dùng với số thứ tự, one of the, some of the, tính từ sở hữu ...

e.g. He is my best friend.

e.g. Tom was the second best in that contest.

**2.2. Articles: mạo từ (a/an/the)**

**2.2.1. A/an:**

+ Chúng ta dùng a/an trước danh từ đếm được số ít, được nhắc đến lần đầu, khi người nghe, người đọc chưa rõ về nó. Đó là lí do ta gọi a/an là mạo từ bất định (chưa biết rõ).

E.g: She has bought a cat recently.

+ Chúng ta dùng a/an trước 1 nghề nghiệp của ai đó

E.g: He is an actor.

**2.2.2. The:**

+ Chúng ta dùng mạo từ “**the**” trước danh từ được nhắc lại hoặc danh từ mà người đọc, người nghe đã hiểu rõ. Đó là lí do ta gọi “**the**” là mạo từ xác định (đã biết rõ).

e.g. Nam is talking to a teacher from England. The teacher is holding some books.

(Nam đang nói chuyện với một giáo viên đến từ Anh. Vị giáo viên đó cầm trên tay mấy quyển sách).

+ Chúng ta dùng mạo từ “**the**” với so sánh nhất.

e.g. It is the biggest city.

+ Chúng ta dùng mạo từ “**the**” trước những thứ duy nhất: the earth, the moon, the sun, the Government, the Prime Minister ...

\*) Note: Chúng ta không dùng mạo từ “the” trước các danh từ riêng: Mary, David, Vietnam, England. New York ...

**3. Pronunciation**

 Stress in two-syllable words with the same spelling: trọng âm trong từ gồm 2 âm tiết viết giống nhau

Có một số từ thay đổi trọng âm thì trở thành từ loại khác

e g. They present every day. - pre'sent (v): thuyết trình

He received a present. - 'present (n): món quà

I record my voice. - re'cord (v): thu âm

I set a record. - 'record (n): kỉ lục

**PHẦN II – LUYỆN TẬP**

**UNIT 7\_CULTURAL DIVERSITY**

**PRACTICE TEST 1**

**I. Find the word which has a different sound in the part underlined.**

1. **A.** engaged **B.** favourable **C.** status **D.** national
2. **A.** contrast **B.** force **C.** fortune **D.** Capricorn
3. **A.** ancestor **B.** complicated **C.** reception **D.** decide
4. **A.** horoscope **B.** honeymoon **C.** income **D.** money
5. **A.** legend **B.** Leo **C.** lentil **D.** prestigious
6. **A.** pursue **B.**soul **C.**sweep **D.** present

**II. Choose the word which has a different stress pattern from the others.**

1. **A.** influence **B.** typical **C.** dependent **D.** character
2. **A.** ritual **B.** diverse **C.** affect **D.** belief
3. **A.** personal **B.** proposal **C.** cultural **D.** several
4. **A.** superstitious **B.** complicated **C.** situated **D.** interestingly

**III. Complete the sentences by using comparative or superlative adjectives.**

**(Hoàn thành câu bằng 1 tính từ ở dạng so sánh hơn hoặc so sánh nhất)**

1. Antarctica is \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (cold) than Africa.

2. Taman Negara National Park in Malaysia is the \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (old) rainforest in the world.

3. Germany was \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (successful) in winning medals than Japan.

4. The Atlantic ocean is \_\_\_\_\_\_\_ (wide) than the Mediterranean.

5. Northern provinces are a bit \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (hot) than southern ones.

6. This is the \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (funny) actor I have ever had conversation with.

7. Some people think that crocodiles are \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (dangerous) than pythons.

8. The little boy was unhappy because his performance was \_\_\_\_\_\_\_\_ (bad) than his friend.

9. Great Britain is one of the \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (powerful) countries in the world.

10. Australia is the 6th \_\_\_\_\_\_\_\_ (large) country in the world, occupying an entire continent of some 7.6 million square kilometres.

**IV. Find and correct mistakes in following sentences.**

1. This lake is more deep than that one.

2. Kate’s situation is the most complicated than her cousin’s.

3. The bride and groom are happiest people on their wedding.

4. A doctor and an architect are living in this villa. A doctor is from Germany.

5. In England, people drink a lots of tea.

**V. Gap-filling: Choose the suitable words from the box to complete the sentences.**

|  |
| --- |
| ***similarities properly favourable reception crossing******ancestors grooms scattered sweep souls*** |

1. In order to meet the requirement, you have to point out both \_\_\_\_\_ and differences between two cultures.

2. In some cases, brides and \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ are provided with most of the necessary things for their big day.

3. The board of directors have decided to hold a \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in a luxurious restaurant.

4. As a rule of thumb, several superstitious people choose a \_\_\_\_\_\_\_\_ date before starting something.

5. My parents lay food on the altar for my \_\_\_\_\_\_\_\_\_ on a regular basis because they perceive that they will enjoy the meal with my family.

6. Traditionally, Vietnamese people do not \_\_\_ the floor during the first three days of Tet (Lunar New Year).

7. Some people try to avoid \_\_\_\_\_\_\_\_ the path of a woman, as this may not bring good luck to them.

8. He holds a belief that the altar is the place where ancestors' \_\_\_\_\_\_\_ live.

9. Before travelling to England, you have to learn to use knives, forks and spoons \_\_\_\_\_\_\_.

10. They leave coins \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ on the ground as a ritual of their culture.

**VI. Match each word/phrase on the left with its description on the right.**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. self-reliance  | a. a business project or activity, especially one that involves taking risks |
| 2. ancestor  | b. something that is difficult to understand or to |
| 3. mystery  | c. the ability to do or decide things by yourself |
| 4. prestigious  | d. a person in your family who lived a long time ago |
| 5. venture  | e. respected and admired as very important or of very high quality |

**VII. Word formation: Give the correct form of the words in brackets.**

1. The \_\_\_\_\_\_ ceremony is one of the three stages of a Vietnamese traditional wedding. (**propose)**

2. Before a wedding ceremony, there must be an \_\_\_\_\_\_\_ ceremony. **(engage)**

3. As a rule of thumb, a number of superstitious people choose a \_\_\_ date before starting something. **(favour)**

4. It is believed that meeting a black cat is lucky, but it is \_\_\_ to walk under a ladder or break a mirror. **(luck)**

5. Working as a volunteer provides you with opportunities to know more about cultural \_\_\_\_\_\_. **(diverse)**

6. If you want to get on well with your colleagues, you should pay \_\_\_\_\_\_ to some common features of their cultures. **(attend)**

7. He is trying to work hard so that he is promoted to a higher and more \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ position. **(prosper)**

8. After he had flirted her for a long time, they \_\_\_\_\_\_\_\_ fell in love. **(gradual)**

9. It cannot be denied that superstitious \_\_\_\_\_\_\_ exist many cultures. **(believe)**

10. After the wedding day, the \_\_\_\_\_\_\_\_ of couples leave on honeymoon in very romantic places. **(major)**

**VIII. Choose the best answer A, B, C or D to complete the sentences.**

1. People from \_\_\_\_\_\_\_\_ cultures bring language skills, new ways of thinking, and creative solutions to difficult problems.

**A.** diverse **B.** diversity **C.** diversify **D.** diversification

1. No one knows the real origins of the Chinese \_\_\_\_\_\_\_\_ representing the cycles of the lunar year.

**A.** stars **B.** space **C.** horoscope **D.** cycle

1. In every culture, there are basic standards for social \_\_\_\_\_\_\_\_ such as personal space distance, eye contact, amount of body language displayed in public.

**A.** relationship **B.** relation **C.** reaction **D.** interaction

1. UN World Day for Cultural Diversity for Dialogue and Development on May 21st is a chance to celebrate the cultural diversity of people around us, and find out more about what we have \_\_\_\_\_\_\_\_.

**A.** in common **B.** as usual **C.** as normal **D.** alike

1. Many people believe that the first person who visits their home on the first day of the New Year will \_\_\_\_\_\_\_\_ their life.

**A.** effect **B.** affect **C.** change **D.** afford

1. Before the wedding, the groom usually asks his best friend to be his \_\_\_\_\_\_\_\_, and the bride may have one or more \_\_\_\_\_\_\_\_.

**A.** closest man - best maids **B.** good man - best maids

**C.** best man - bridesmaids **D.** best man - housemaids

1. In Russia, there is \_\_\_\_\_\_\_\_ belief that unmarried people should avoid sitting at \_\_\_\_\_\_\_\_ corner of \_\_\_\_\_\_ table because they will find difficulties finding their life partner and will not get married.

**A.** a - a - a **B.** a - a - the **C.** a - the - the **D.** the - the - the

1. In Portugal, walking backwards will bring bad luck, because it paves \_\_\_\_\_ way for \_\_\_\_\_ devil to enter

**A.** a - a **B.** the - the **C.** a - the **D.** the - a

1. Cultural diversity makes our country \_\_\_\_\_\_\_\_ by making it a \_\_\_\_\_\_\_\_ place in which to live.

**A.** richer - most interesting **B.** richer - more interesting

**C.** rich - more interesting **D.** richest - most interesting

1. There are some things Americans would change, and \_\_\_\_\_\_ thing people would change is their education.

**A.** a big **B.** the **C.** a bigger **D.** the biggest

1. In our tradition, when people mention "matter of betel and areca" they are talking about \_\_\_\_\_\_\_\_ issue.

**A.** marry **B.** married **C.** marrying **D.** marriage

1. Nations where there is much cultural diversity can also sometimes be known as a \_\_\_\_\_\_\_\_.

**A.** multicultural society **B.** cultural uniformity

**C.** multi- ethnic society **D.** multidimensional problem

1. To many \_\_\_\_\_\_\_\_ street vendors, the success of their day is determined by how it starts and by their first customer.

**A.** superstition **B.** superstitious **C.** superstitiously **D.** supernatural

1. One Chinese legend has it that the Jade Emperor asked for twelve representatives of the animal species on Earth to be brought to his \_\_\_\_\_\_\_\_ kingdom.

**A.** heaven **B.** heavenly **C.** sky **D.** space

1. However, another version says the \_\_\_\_\_\_\_\_ of the 12 animals in the Chinese horoscope was decided thousands of years ago by Buddha, who called for a New Year's meeting of animals.

**A.** order **B.** position **C.** place **D.** plan

1. To the Chinese, 8 is a lucky number, \_\_\_\_\_\_\_\_ the Vietnamese believe 9 brings luck, and the 1 and 8 of 18, adding up to 9, are considered success.

**A.** although **B.** when **C.** while **D.** or

1. In \_\_\_\_\_\_\_\_ Netherlands, singing at \_\_\_\_\_\_\_\_ dinner table means you are singing to \_\_\_\_\_\_\_\_ devil for your dinner - which means bad luck.

**A.** Ø - a - the **B.** the - the - the **C.** Ø - the - the **D.** the - the - a

1. In Spain, it is believed to be bad luck to enter \_\_\_\_\_\_\_\_ room with your left foot.

**A.** Ø **B.** a **C.** an **D.** the

1. Cultural diversity makes the United States a \_\_\_\_\_\_\_\_ interesting place in which to live for all of its inhabitants.

**A.** better **B.** very more **C.** so more **D.** much more

1. Today, Australia is one of \_\_\_\_\_\_\_\_ diverse countries in the world.

**A.** most cultural **B.** the most cultural **C.** the more culturally **D.** the most culturally

**IX. Read the passage, and choose the correct answer A, B, C or D for each question.**

**The Wedding Ring**

 At weddings in many parts of the world, brides and grooms give one another wedding rings. These rings remind them of the commitment they made to one another when they got married. They are also a sign to others that they are married.

 No one knows for sure how this tradition started, but there is evidence that it began long ago, in ancient Egypt. Coins at that time had a hole in the center. An Egyptian groom used to place a coin on his bride’s finger to show that he would take care of her.

 In many ancient cultures, the circle is a symbol of eternity. The wedding ring has come to symbolize endless love and commitment.

 Wedding rings have almost always been worn on the fourth ring, but the hand it is worn on depends on where you live. In some cultures, people wear their rings on the left hand, and in others, they wear them on the right.

1. Rings are traditionally given .

 **A.** only in Egypt **B.** during weddings **C.** just to brides **D.** before weddings

2. Ancient Egyptian grooms gave their brides .

 **A.** money to buy a ring **B.** money shaped like a ring

 **C.** a ring for every finger **D.** coins to get a wedding ring

3. A wedding ring is a symbol of .

 **A.** a circle **B.** eternity **C.** love without end **D.** decision

4. Most people wear their wedding rings .

 **A.** on both hands **B.** on the fourth finger **C.** only on the left hand **D.** only on the right hand

5. The word “eternity” in the third paragraph is closet in meaning to .

 **A.** after death **B.** period of time **C.** happening too often **D.** time with no end

**UNIT 7. Cultural Diversity**

**PRACTICE TEST 2**

**Part I. PHONETICS**

**Exercise 1. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.**

1. A. protest B. wedding C. reception D. success
2. A. present B. decrease C. increase D. mouse
3. A. complicated B. bridegroom C. originate D. superstition
4. A. country B. contrast C. culture D. ceremony
5. A. good B. moon C. groom D. food

**Exercise 2. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word that differs from the other three in the position of the primary stress in each of the following questions.**

1. A. increase B. engage C. prepare D. propose
2. A. happy B. perfect C. formal D. married
3. A. couple B. promise C. import D. wedding
4. A. export B. decrease C. present D. belief
5. A. contrast B. object C. rebel D. support

**Part II. VOCABULARY**

**Exercise 3. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.**

1. In some Asian countries, the groom and bride \_\_\_\_\_\_\_\_\_ their wedding rings in front of the altar.

 A. change B. exchange C. give D. take

1. In Scotland, the bride’s mother may invite the wedding guests to her house to \_\_\_\_\_\_\_\_\_ off all the wedding gifts.

 A. show B. turn C. put D. get

1. On the wedding day, the best man is expected to help the \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

 A. bride B. groom C. guest D. bridesmaid

1. In the past, the \_\_\_\_\_\_\_\_\_ and engagement ceremonies took place one or two years before the wedding.

 A. propose B. proposing C. proposal D. proposed

1. Superstitions \_\_\_\_\_\_\_\_\_ an important part in the lives of many people in Viet Nam.

 A. take B. act C. occupy D. play

1. Viet Nam has kept a variety of superstitious \_\_\_\_\_\_\_\_\_ about daily activities.

 A. believe B. believing C. beliefs D. believable

1. Traditionally, most Vietnamese people never \_\_\_\_\_\_\_ the floor during the first three days of the New Year.

 A. sweep B. paint C. polish D. resurface

1. Viet Nam is a country situated in Asia, where many mysteries and legends \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

 A. origin B. originate C. original D. originally

1. The British usually pay a lot of \_\_\_\_\_\_\_\_\_ to good table manners and are expected to use knives, forks and spoons properly.

 A. money B. care C. attention D. compliment

1. In the U.S, children can choose their own partners even if their parents object \_\_\_\_\_\_\_\_\_their choice.

 A. to B. for C. against D. with

1. In the UK, 18-year-olds tend to receive a silver key as a present to \_\_\_\_\_\_\_\_\_ their entry into the adult world.

 A. symbol B. symbolic C. symbolize D. symbolist

1. In Australia, on Mother’s Day, the second Sunday in May, children prepare and \_\_\_\_\_\_\_\_\_ their mothers ‘breakfast in bed’.

 A. cook B. serve C. display D. present

1. People in Mexico \_\_\_\_\_\_\_\_\_ Mother’s Day on May 10 by giving their mothers handmade gifts, flowers, clothing and household appliances.

 A. open B. memorize C. celebrate D. perform

1. In Viet Nam, you shouldn’t \_\_\_\_\_\_\_\_\_ at somebody’s house on the first day of the New Year unless you have1 been invited by the house owner.

 A. show up B. get up C. put up D. go up

1. The newly-weds will fly to Venice to spend their \_\_\_\_\_\_\_\_\_ tomorrow.

 A. vacation B. honeymoon C. holiday D. marriage

1. After the wedding ceremony at the church, they go to the hotel for the wedding

 A. cake B. ring C. day D. reception

1. The bride and groom cut the wedding cake and \_\_\_\_\_\_\_\_\_ speeches.

 A. prepared B. wrote C. heard D. made

1. Some Koreans believe that it’s impolite to \_\_\_\_\_\_\_\_\_ eye contact with a person who has a high position.

 A. maintain B. lose C. show D. put

1. Brazilians often \_\_\_\_\_\_\_\_\_ each other’s arms, hands or shoulders during a conversation.

 A. lend B. shake C. touch D. move

1. American people are very informal at home, so they often \_\_\_\_\_ their hands to eat some kinds of food.

 A. use B. lend C. wash D. shake

1. Egypt is a traditional country, and it has many customs that are different the U.S.

 A. of B. from C. to D. for

1. English people believe that it is unlucky to open an umbrella in the house, which will bring \_\_\_\_\_\_\_\_\_ to the person who has opened it.

 A. loss B. misfortune C. success D. truth

1. Superstition suggests that you’ll get seven years of bad luck if you \_\_\_\_\_\_\_\_\_ a mirror.

 A. break B. buy C. borrow D. see

1. In the UK, seven is usually regarded \_\_\_\_\_\_\_\_\_ the luckiest number while thirteen is the opposite.

 A. as B. like C. with D. for

1. Polite behavior in one country, however, may be \_\_\_\_\_\_\_\_\_ in another part of the world.

 A. formal B. informal C. impolite D. appropriate

1. In Germany, it is important to arrive \_\_\_\_\_\_\_\_\_ time when you are invited to someone’s house.

 A. in B. after C. before D. on

1. Learning about cultural differences in politeness helps you avoid a lot of \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

 A. embarrass B. embarrassment C. embarrassed D. embarrassing

1. On many days of the year, Vietnamese people not only \_\_\_\_\_\_\_\_\_ the table for meals, but they also put food on the altar for their ancestors.

 A. lay B. lie C. book D. clear

1. The woman you are engaged to is your \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

 A. fiancé B. bridesmaid C. match-maker D. fiancée

1. At the church ceremony, the couple have to make their wedding \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

 A. vows B. invitations C. flowers D. cakes

**Exercise 4. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.**

1. Mary is planning to **tie the knot** with her German boyfriend next June.

 A. get married B. say goodbye C. get together D. fall in love

1. In some Asian countries like Viet Nam or China, money is given to the newly-married couple as a wedding **present.**

 A. gift B. donation C. souvenir D. contribution

1. In Viet Nam, it is customary to choose a**favourable**day for occasions such as weddings, funerals, or house-moving days.

 A. suitable B. favourite C. beautiful D. whole

1. Americans value freedom and do not like to be **dependent** on other people.

 A. addicted B. supportive C. reliant D. responsible

1. In most American families, parents have less **influence** on their children than those in other parts of the world.

 A. power B. effect C. attention D. care

**Exercise 5. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.**

1. Being practical, Americans avoid taking jobs which are **beyond** their ability.

 A. out of B. far from C. within D. inside

1. In many countries, it is **customary** for the bride to throw her bouquet of flowers into a crowd of well-wishers.

 A. uncommon B. inadvisable C. usual D. normal

1. To an American, success is the result of **hard work** and self-reliance.

 A. devotion B. industry C. laziness D. enthusiasm

1. Success has always meant providing their families with a **decent** standard of living.

 A. high B. good C. acceptable D. low

1. Stores everywhere compete to sell their **distinctive** versions of Christmas cake before the holiday.

 A. different B. various C. similar D. special

**Part III. GRAMMAR**

**Exercise 6. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.**

1. These days, in India, there are \_\_\_\_\_\_\_\_\_ married couples who live on their own than before.

 A. more B. many C. less D. little

1. In some countries in the Middle East, people stand \_\_\_\_\_\_\_\_ to each other than those in North America in a conversation.

 A. most closely B. more closely C. closer D. closest

1. Wedding ceremonies are \_\_\_\_\_\_\_\_ now than they used to be in the past.

 A. less complicated B. the most complicated C. as complicated D. the least complicated

1. It’s much \_\_\_\_\_ to celebrate a small and cozy wedding to save money.

 A. best B. better C. the best D. the better

1. In some Asian families, parents tend to have far \_\_\_\_\_\_\_\_\_ control over their children than those in some American families.

 A. the most B. the more C. more D. most

1. This is \_\_\_\_\_\_\_\_\_ wedding party I’ve ever attended.

 A. the more memorable B. more memorable

 C. the most memorable D. most memorable

1. Chocolates and flowers are by far \_\_\_\_\_\_\_\_\_ presents for mothers on Mother’s Day in the UK.

 A. more popular B. the more popular C. less popular D. the most popular

1. Chuseok is one of \_\_\_\_\_\_\_\_\_ celebrations in the Korean calendar when Koreans give thanks to nature.

 A. the most important B. the more important

 C. the less important D. more important

1. The more polite you appear to be, \_\_\_\_\_\_\_\_\_ your partner will be.

 A. the happiest B. the happier C. the most happily D. the more happily

1. Of the two bridesmaids, Lisa turned out to be \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

 A. the most charming B. the least charming C. more charming D. the more charming

1. The Korean are \_\_\_\_\_\_\_\_\_ than the American in addressing their bosses.

 A. more formal B. much formal C. most formal D. the most formal

1. There are \_\_\_\_\_\_\_\_\_ occasions for giving gifts in modern societies than before.

 A. less B. more C. the least D. the most

1. June has become \_\_\_\_\_\_\_\_\_ month for weddings in many countries when the symbolic flowers, roses, usually bloom.

 A. more popular B. less popular C. the most popular D. the least popular

1. Before doing something important, Vietnamese people always try to choose time for it.

 A. better B. less good C. the least good D. the best

1. My grandmother feels much \_\_\_\_\_\_\_\_\_ whenever I give her a homemade cake on Mother’s Day.

 A. happier B. more happily C. the happiest D. the most happily

1. People in \_\_\_\_\_\_\_\_\_ Western countries are often surprised to learn that Japanese celebrate Christmas.

 A. 0-0 B. the-the C. the - 0 D. 0-the

1. In Japan, \_\_\_\_\_\_\_\_\_ most important holiday of \_\_\_\_\_\_\_\_\_ season is New Year’s Day, which comes one week after Christmas.

 A. the - the B. 0 - the C. the - 0 D. the - a

1. In India, in the old days, \_\_\_\_\_ girl’s family used to give \_\_\_\_\_ boy’s family a gift like money or jewelry.

 A. a - a B. a - the C. the - a D. the - the

1. It is appropriate to bring \_\_\_\_\_\_\_\_\_ small gift when visiting \_\_\_\_\_\_\_\_\_ home in the U.S.

 A. the-a B. a-a C. a-the D. the-the

1. Traditionally, \_\_\_\_\_\_\_\_\_ bride and groom go on their honeymoon immediately after wedding reception.

 A. a-the B. the - a C. the-the D. a-a

1. Whenever I set out for \_\_\_\_\_\_\_\_\_ examination, I always try to avoid crossing path of \_\_\_\_\_\_\_\_\_ woman.

 A. an – the - a B. an - a - the C. an - the - the D. the - the - a

1. In a wedding ceremony, best man helps \_\_\_\_\_\_\_\_\_ groom ready for every preparation.

 A. the-a B. a-the C. the -the D. a-a

1. People say that \_\_\_\_\_\_\_\_\_ gift lets \_\_\_\_\_\_\_\_\_ recipient know how we are thinking of them.

 A. the - the B. a - a C. the - a D. a - the

1. Wearing a wedding veil which covers \_\_\_\_\_\_\_\_\_ head and face is \_\_\_\_\_\_\_\_\_ 2,000-year-old tradition.

 A. a – the B. the – a C. the – the D. a – a

1. In the U.S, white represents goodness and is usually color of \_\_\_\_\_\_\_\_\_ bride’s wedding dress.

A. a-a B. a-the C. the-a D. the-the

1. Is it acceptable to touch \_\_\_\_\_\_\_\_\_ person on \_\_\_\_\_\_\_\_\_ shoulder in a conversation?

A. a - the B. the - the C. the - a D. a – a

1. \_\_\_\_\_\_\_\_ man should take off his hat when he goes into \_\_\_\_\_\_\_\_\_ house in the UK.

A. A-the B. A-a C. The-a D. The-the

1. When you stay at \_\_\_\_\_\_\_\_\_ friend’s house, you should write \_\_\_\_\_\_\_\_\_ thank-you note.

A. a - a B. the - a C. a - the D. the - the

1. Christmas Eve is \_\_\_\_\_\_\_\_\_ best time for Japanese youngsters to go out for special, romantic evening.

A. a-a B. the-a C. the-the D. a-the

1. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ Japanese manage not to ask direct questions in order not to embarrass\_\_\_\_\_\_\_\_\_ person who they are speaking with.

A. A-the B. A-a C. The-the D. The - a

**Exercise 7. Mark the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions.**

1. People believe that if they borrow money at a beginning of the year, they will have to

 A B

be in debt for the rest of that year.

 C D

1. In traditional Indian families, the parents used to arranging the marriage for their children.

A B C D

1. It is common for Japanese to adapt foreign customs and make them their own.

 A B C D

1. In Viet Nam, at the dinner table, you should serve the adults the first and then the children.

 A B C D

1. If you make the wish, then blow out all the candles on your birthday cake in one breath,

A B C D

your wish will be granted.

1. No one is the happiest than the bride and groom on the day of their wedding.

A B C D

1. On first day of the Lunar New Year, Vietnamese people go to the pagoda to pray for

A B C

the best luck of the year.

 D

1. For American people, success means ending their career in the highest and more

 A B

prosperous position than when they began it.

 C D

1. Superstitions exist everywhere on this planet; however, Viet Nam and Asia alike can be

A B C

the more superstitious than other continents.

 D

1. In Viet Nam, gifts for brides and grooms are usually in pairs; for example, two less

 A B C

expensive blankets are more desired than the nicer one.

 D

**Part IV. SPEAKING**

**Exercise 8. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct response to each of the following exchanges.**

1. A: “Have you heard? Martin and Lisa have just got engaged!”- B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. Really? That’s fantastic! B. Congratulations!

C. Let’s celebrate! D. Good luck!

1. A: “Well, Brad Pitt and Angelina Jolie have just decided to divorce! Don’t you know?” -B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. I couldn’t agree more. B. Oh, thanks!

C. Really? Are you kidding? D. No, not right now.

1. A: “What a beautiful wedding dress you are wearing today, Daisy!” -B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. I’m sorry to hear that. B. Thanks, it’s nice of you to say so.

C. Don’t mention it. D. Thanks for your gift!

1. A: “Let’s go and cheer for their happiness today!” -B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. No, thanks. B. Have a go, please. C. That’s a good idea! D. It’s too late.

1. A: “Why don’t we make a cake for Mom on Mother’s Day?” -B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. Sure, let’s plan on it. B. Thanks, I’d love to.

C. To make her happy. D. Great! I’d like some flowers.

1. A: “What gifts should I bring to a dinner party in Viet Nam?” -B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. I don’t care. B. You should arrive on time.

C. Dress casually. D. Just some fruits or cakes.

1. A. “I’m afraid I can’t come to your house-warming party next Saturday.” -B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. That sounds fun. B. Oh, what a pity! C. That’s ridiculous. D. Oh, what a relief.

1. A: “Thank you very much for coming to our wedding!” -B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. Our pleasure! Happy wedding! B. Our pleasure! Good success!

C. Don’t mention it. Go ahead! D. Don’t mention it. Just my luck!

1. A: “Thank you very much for the lovely flowers!” - B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. You are welcome. B. You don’t like flowers, do you?

C. Yeah, I didn’t buy those flowers. D. It was an excellent choice.

1. A: “Peter and I are going to spend our honeymoon in Jeju Island!” -B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. It’s fine for me. B. Oh, thanks. Good luck!

C. Have you decided yet? D. Oh, really? Have a nice holiday!

1. A: “I love watching Carnival in Rio de Janeiro. What about you?” -B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. You’re welcome. B. Thanks, I will. C. Me too. D. Me either.

1. A: “Guess what? Mary’s getting married next week.” – “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. Is she really? That’s interesting. B. What a pity!

C. Congratulations! D. Send my regards to her, will you?

1. A: “Don't forget to bargain when buying things in an open-air market in Viet Nam!”

B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. I don’t agree. B. Thanks, I will. C. Why not? D. No way!

1. A:“ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_” - B: “You’d better shake hands firmly.”

A. What topics should I talk about when I first meet a Turkish?

B. What gifts should I give to a Turkish?

C. What should I do when I first meet a Turkish?

D. What about asking a Turkish about their age?

1. A: “Would you like to stay with us and spend our traditional Tet holidays together?”

B: “\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

A. What a nice idea! Thanks. B. Oh, lucky you!

C. What a shame, I will. D. How come?

**Part V. READING**

**Exercise 9. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions.**

**INTERNATIONAL GIFT-GIVING CUSTOMS**

The tradition of gift giving is a worldwide practice that is said to have been around since the beginning of human beings. Over time, different cultures have developed their own gift giving customs and traditions.

In France, the gift of wine for the hostess of a dinner party is not an appropriate gift as the hostess would prefer to choose the vintage for the night. In Sweden, a bottle of wine or flowers are an appropriate gift for the hostess. In Viet Nam, a gift of whisky is appropriate for the host, and some fruit or small gifts for the hostess, children or elders of the home. Besides, gifts should never be wrapped in black paper because this color is unlucky and **associated with** funerals in this country. Gifts that symbolize cutting such as scissors, knives and other sharp objects should be avoided because they mean the cutting of the relationship. Also, in some countries you should not open the gift in front of the giver and in others it would be an insult if you did not open the gift.

Beyond the gift itself, give careful consideration to the manner in which **it** is presented. Different cultures have different customs regarding how a gift should be offered - using only your right hand or using both hands, for example. Others have strong traditions related to the appropriate way to accept a gift. In Singapore, for instance, it is the standard to graciously refuse a gift several times before finally accepting it. The recipient would never unwrap a gift in front of the giver for fear of appearing greedy.

Understanding these traditions and customs, as well as taking time to choose an appropriate gift, will help you to avoid any awkwardness or embarrassment as you seek to build a better cross-cultural relationship.

(Adapted from <http://www.giftypedia.com/International_Gift_Customs>)

1. When did the tradition of gift-giving become popular all over the world?

A. a long time ago B. thousands of years ago

C. since the beginning of humans D. since the beginning of industrialization

1. Which of the following is NOT true about gift-giving customs.

A. In France, wine is not considered a suitable gift for the hostess of a dinner party.

B. In Sweden, it is not customary to bring some wine or flowers when you are invited to a dinner party.

C. In Viet Nam, such things as scissors, knives and other sharp objects shouldn’t be used as a gift.

D. In Singapore, it is unacceptable to open the gift right in front of the giver.

1. The phrase “**associated with**” is closest in meaning to\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. connected with B. familiar with C. informed of D. similar to

1. The word “**it**” in paragraph 3 refer to\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. consideration B. manner C. gift D. culture

1. Which of the following is the main idea of paragraph 3?

A. The people who are presented with gifts B. The traditions of giving and receiving gifts

C. The occasions of giving and receiving gifts D. The manners of giving and receiving gifts

**Exercise 10. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions.**

Marriage is an ancient religious and legal practice celebrated around the world. However, wedding customs vary from country to country.

*The Wedding Dress:* In many countries, it is customary for the bride to wear a white dress as a symbol of purity. The tradition of wearing a special white dress only for the wedding ceremony started around 150 years ago. Before that, most women could not afford to buy a dress that they would only wear once. Now, bridal dresses can be bought in a variety of styles. In some Asian countries and in the Middle East, colors of joy and happiness like red or orange other than white are worn by the bride or used as part of the wedding ceremony.

*The Wedding Rings:* In many cultures, couples exchange rings, usually made of golf or silver and worn on the third finger of the left or right hand, during the marriage ceremony. The circular shape of the ring is symbolic of the couple’s **eternal union**. In Brazil, it is traditional to have the rings engraved with the bride’s name on the groom’s ring, and vice versa.

*Flowers:* Flowers play an important role in most weddings. Roses are said to be the flowers of love, and because they usually bloom in June, **this** has become the most popular month for weddings in many countries. After the wedding ceremony, in many countries the bride throws her bouquet into a crowd of well-wishers - usually her single female friends. The person who catches this bouquet will be the next one to marry.

*Gifts'.* In Chinese cultures, wedding guests give gifts of money to the newly-weds in small red envelopes. Money is also an appropriate gift at Korean and Japanese weddings. In many Western countries, for example in the U.K, wedding guests give the bride and groom household items that they may need for their new home. In Russia, rather than receiving gifts, the bride and groom provide gifts to their guests instead.

With the continued internationalization of the modern world, wedding customs that originated in one part of the world are crossing national boundaries and have been incorporated into marriage ceremonies in other countries.

*(Source: Adapted from ACTIVE Skills for Reading: Book 3, P. 71-72)*

1. Which of the following is the best title of the passage?

A. Wedding ceremonies B. Wedding customs

C. Wedding day D. Wedding history

1. The tradition of wearing a special dress only on one’s wedding day is\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. about 150 years ago B. over a century ago

C. less than 100 years ago D. less than 200 years ago

1. In some cultures, the bride wears a white dress as a traditional symbol of\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. modesty B. secrecy C. purity D. security

1. In some Asian and Middle Eastern countries, which colour is NOT considered to be suitable for a wedding?

A. red B. orange C. white D. blue

1. The phrase “**eternal union**” in paragraph 3 is closest in meaning to\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. never-ending relationship B. lovely relationship

C. temporary relationship D. healthy relationship

1. The word “**this**” in paragraph 4 refers to which of the following?

A. role B. love C. June D. rose

1. According to the passage, in which country would the wedding guests give the bride and groom money as a present?

A. Brazil B. the U.K C. China D. Russia

1. Which of the following information is TRUE according to the passage?
2. Nowadays, every bride can afford to buy a wedding dress to wear only once.

B. It is believed that any person who catches the bride’s bouquet will be the next to marry.

C. It is customary to write the groom’s name on the bride’s wedding ring.

D. Thanks to globalization, one country’s wedding customs may be added to other countries’.

**Exercise 11. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.**

**CULTURE SHOCK**

Many people dream of living in a foreign country. It can be an amazing experience for those (119) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_are willing to settle down in a new place. (120)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_, there’s one potential problem you should be aware of: culture shock. Culture shock is the feeling we get from living in a place that is so different to where we grew up that we are not sure(121)\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_to deal with it. Societies are (122) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ in many different ways. Customs and traditions can be very different and that can sometimes make it difficult to get on with local people who might not approve (123) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_things you do and might object to things you say. You might be banned from doing things in another country that are perfectly legal in your own. For example, in Singapore people can be forced to (124) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_a large fine just for dropping rubbish. Eventually, though, most people who live abroad fall in love with their adopted country and learn to accept its differences.

1. A. who B. which C. what D. whose
2. A. Therefore B. However C. Although D. Moreover
3. A. what B. when C. how D. why
4. A. organize B. organizing C. organization D. organized
5. A. of B. with C. on D. off
6. A. spend B. waste C. pay D. borrow

**Exercise 12. Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.**

**COMMON SUPERSTITIONS**

There are many strange superstitions in the world. The most common one is related to black cats, (125) \_\_\_\_\_\_\_\_are the source of hundreds of unlucky superstitions. It’s a sign of bad luck (126) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_they walk in front of you or you step on their tails. They even bring bad luck into a house if they sneeze inside! This superstition dates (127) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_to the Middle Ages when they became associated with witches and evil spirits.

Another common superstition is about walking under a ladder. A more (128) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_explanation can be traced back to ancient Egypt. The (129) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ Egyptians believed that the shape of the Pyramids had a special power. It was considered very bad luck to break the “power” of this shape and that’s exactly what walking under a ladder would do!

In addition, in Roman times, people (130) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_the habit of looking at themselves in pools of water. Some believed that these reflections were in fact “glimpses of the soul”. Any disruption to the water in the pool would bring bad luck to the person looking in it. This superstition lives on with the fear of bad luck from breaking a mirror.

 *Source:* [*https://learnenglish.britishcouncil.org/en/magazine/superstitions*](https://learnenglish.britishcouncil.org/en/magazine/superstitions)*)*

1. A. which B. who C. when D. where
2. A. although B. because C. if D. unless
3. A. on B. in C. back D. for
4. A. mystery B. mysterious C. mysteriously D. mysteries
5. A. late B. recent C. past D. early
6. A. had B. took C. raised D. became

**Part VI. WRITING**

**Exercise 13. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions.**

1. The American are less formal in addressing their bosses than the South Korean.

A. The South Korean are less formal in addressing their bosses than the American.

B. Both the American and the South Korean have the same formality in addressing their bosses.

C. The South Korean are more informal in addressing their bosses than the American.

D. The South Korean are more formal in addressing their bosses than the American.

1. Nothing is more precious than happiness and health.

A. Happiness and health are the most precious things.

B. Happiness is more precious than health.

C. Health is more precious than happiness.

D. Happiness and health are more and more precious.

1. I’ve never seen such a nice bouquet of wedding flowers.

A. This bouquet of wedding flowers is the nicest that I’ve ever made.

B. This is the nicest bouquet of wedding flowers that I’ve ever seen.

C. I’ve never seen the nicest bouquet of wedding flowers so far.

D. Nothing I’ve seen is nicer than this bouquet of wedding flowers.

1. Ice-hockey is one of the most popular sports in Russia.

A. In Russia, ice-hockey is more popular than any other sports.

B. In Russia, no sport is more popular than ice-hockey.

C. In Russia, no sport is less popular than ice-hockey.

D. In Russia, one of the most popular sports is ice-hockey.

1. Tet holiday is the most interesting Vietnamese traditional festival that he’s ever attended.

A. Tet holiday is more interesting than the Vietnamese traditional festival that he’s ever attended.

B. He has never attended a more interesting Vietnamese traditional festival than Tet holiday.

C. He has attended many interesting Vietnamese traditional festivals including Tet holiday.

D. Tet holiday is one of the most interesting Vietnamese traditional festivals he’s ever attended.

1. There are more superstitious beliefs in Eastern countries than in Western ones.

A. Western countries don’t have fewer superstitious beliefs than Eastern ones.

B. Eastern countries have more superstitious beliefs than Western ones.

C. Eastern and Western countries have many more superstitious beliefs.

D. More superstitious beliefs exist in Western countries than in Eastern ones.

1. Pho (rice noodles) is believed to be the most typical food in Viet Nam.

A. It is believed that Pho (rice noodles) is the most typical food in Viet Nam.

B. A more typical food than Pho (rice noodles) is believed in Viet Nam.

C. I believe that Viet Nam has the most typical food like Pho (rice noodles).

D. No food in Viet Nam is less typical than Pho (rice noodles).

1. I have never read a better book about cultural diversity than this one.

A. This book is a good book about cultural diversity I have ever read.

B. This is the best book about cultural diversity I have ever read.

C. This book is as good as the one about cultural diversity I have ever read.

D. The book about cultural diversity I have ever read isn’t better than this one.

1. Money is more important than prestige to some Americans.

A. Some Americans like prestige more than money.

B. Money is of greater importance to some Americans than prestige.

C. Money and prestige are of equal importance to some Americans.

D. Money is less preferable to some Americans than prestige.

1. There were more guests at my cousin’s wedding than expected.

A. We didn’t expect fewer guests to attend my cousin’s wedding.

B. We expected to receive more guests at my cousin’s wedding.

C. Fewer guests came to my cousin’s wedding than we expected.

D. More guests came to my cousin’s wedding than we expected.

1. **MÔN VẬT LÝ**

**CHƯƠNG IV. CÁC ĐỊNH LUẬT BẢO TOÀN**

**A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT**

***1. Động lượng. Định luật bảo toàn động lượng***

+ Động lượng của một vật là một véc tơ cùng hướng với vận tốc của vật và được xác định bởi công thức: = m.

+ Lực đủ mạnh tác dụng lên một vật trong một khoảng thời gian thì có thể gây ra sự biến thiên động lượng của vật đó.

+ Động lượng của một hệ cô lập là một đại lượng bảo toàn.

***2. Công và công suất***

+ Nếu lực không đổi  có điểm đặt chuyển dời một đoạn s theo hướng hợp với hướng của lực một góc α thì công của lực  được tính theo công thức: A = Fscosα. Đơn vị công là jun (J).

+ Công suất đo bằng công sinh ra trong một đơn vị thời gian: P= . Đơn vị công suất là oát (W): 1 W = .

***3. Động năng***

+ Động năng là dạng năng lượng của một vật có được do nó đang chuyển động và được xác định theo công thức: Wđ = mv2.

+ Động năng của một vật biến thiên khi các lực tác dụng lên vật sinh công.

***4. Thế năng***

+ Thế năng trọng trường (thế năng hấp dẫn) của một vật là dạng năng lượng tương tác giữa Trái Đất và vật; nó phụ thuộc vào vị trí của vật trong trọng trường.

+ Nếu chọn gốc thế năng tại mặt đất thì công thức thế năng trọng trường của một vật có khối lượng m đặt tại độ cao z là: Wt = mgz.

+ Thế năng đàn hồi là dạng năng lượng của một vật chịu tác dụng của lực đàn hồi.

+ Công thức tính thế năng đàn hồi của một lò xo ở trạng thái có biến dạng Δ*l* là: Wt = k(Δ*l*)2.

***5. Cơ năng***

+ Cơ năng của vật chuyển động dưới tác dụng của trọng lực bằng tổng động năng và thế năng trọng trường của vật.

+ Cơ năng của vật chuyển động dưới tác dụng của lực đàn hồi bằng tổng động năng và thế năng đàn hồi của vật.

+ Nếu không có tác dụng của các lực khác (như lực cản, lực ma sát…) thì trong quá trình chuyển động, cơ năng của vật chịu tác dụng của trọng lực hay chịu tác dụng của lực đàn hồi là một đại lượng bảo toàn.

**B. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

***1. Động lượng và định luật bảo toàn động lượng***

***\* Các công thức***

+ Động lượng: = m.

+ Định luật bảo toàn động lượng:

m1+ m2+ … + mn= m1+ m2+ … + mn.

+ Khi hình chiếu lên một phương nào đó của tổng các ngoại lực tác dụng lên hệ bằng 0 thì hình chiếu theo phương ấy của tổng động lượng của hệ bảo toàn (bảo toàn động lượng theo phương đó).

+ Dạng khác của định luật II Niu-tơn: =  = m.

***\* Phương pháp giải***

+ Để tính vận tốc hoặc động lượng của vật trong hệ (kín) ta viết biểu thức định luật bảo toàn động lượng cho hệ (biểu thức véc tơ) sau đó dùng các qui tắc cộng véc tơ hoặc dùng phép chiếu để đưa biểu thức véc tơ về biểu thức đại số rồi giải phương trình (hoặc hệ phương trình) để tìm các đại lượng cần tìm. Cũng có thể chọn chiều dương và viết thẳng biểu thức đại số của định luật bảo toàn động lượng trên một phương nào đó.

+ Để tìm các đại lượng trong chuyển động của một vật chịu lực (các lực) tác dụng ta viết biểu thức của định luật II Niu-tơn (dạng liên hệ giữa xung lượng của lực và độ biến thiên động lượng) rồi dùng phép chiếu để chuyển biểu thức véc tơ về biểu thức đại số từ đó suy ra và tính đại lượng cần tìm.

***\* Bài tập***

**1**. Một xe chở cát khối lượng 38 kg đang chạy trên một đường nằm ngang không ma sát với vận tốc 1 m/s. Một vật nhỏ khối lượng 2 kg bay theo phương chuyển động của xe với vận tốc 7 m/s (đối với mặt đất) đến chui vào cát và nằm yên trong đó. Xác định vận tốc mới của xe trong hai trường hợp:

 a) Vật bay đến ngược chiều xe chạy.

 b) Vật bay đến cùng chiều xe chạy.

**2**. Một prôtôn có khối lượng mp = 1,67.10-27 kg chuyển động với vận tốc vp = 107 m/s tới va chạm vào hạt nhân hêli (thường gọi là hạt α) đang nằm yên. Sau va chạm prôtôn giật lùi với vận tốc vp’ = 6.106 m/s còn hạt α bay về phía trước với vận tốc vα = 4.106 m/s. Tìm khối lượng của hạt α.

**3**. Một viên đạn đang bay ngang với vận tốc 100 m/s thì nổ thành hai mảnh có khối lượng là m1 = 8 kg; m2 = 4 kg. Mảnh nhỏ bay theo phương thẳng đứng với vận tốc 225 m/s. Bỏ qua sức cản của không khí. Tìm độ lớn và hướng của vận tốc của mảnh lớn.

**4**. Một toa xe có khối lượng 10 tấn đang chuyển động trên đường ray nằm ngang với vận tốc 54 km/h. Người ta tác dụng lên toa xe một lực hãm theo phương ngang. Tính độ lớn trung bình của lực hãm nếu toa xe dừng lại sau 1 phút 40 giây.

**5**. Một viên đạn có khối lượng m = 10 g đang bay với vận tốc v1 = 1000 m/s thì gặp bức tường. Sau khi xuyên qua bức tường thì vận tốc của viên đạn còn lại là v2 = 400 m/s. Tính độ biến thiên động lượng và lực cản trung bình của bức tường lên viên đạn. Biết thời gian xuyên thủng tường là 0,01 s.

**6**. Một xe ôtô khối lượng 2 tấn đang chuyển động với vận tốc 72 km/h thì hãm phanh. Sau khi đi được quãng đường 30 m, vận tốc ôtô giảm xuống còn 36 km/h.

 a) Tính độ lớn trung bình của lực hãm trên đoạn đường đó.

 b) Nếu vẫn giữ nguyên lực hãm đó thì sau khi đi được đoạn đường bao nhiêu kể từ khi hãm thì ôtô dừng lại?

***2. Công và công suất***

***\* Các công thức***

+ Công: A = Fscosα.

+ Công suất: P= .

+ Nếu vật chịu tác dụng của lực phát động  mà chuyển động thẳng đều với tốc độ v thì công suất của lực phát động là: P = Fv. Nếu v là tốc độ trung bình thì Plà công suất trung bình; v là tốc độ tức thời thì Plà công suất tức thời.

+ Hiệu suất: H = = .

***\* Phương pháp giải***

 Để tìm các đại lượng trong chuyển động của vật liên quan đến công và công suất ta viết biểu thức liên hệ giữa những đại lượng đã biết và đại lượng cần tìm từ đó suy ra và tính các đại lượng cần tìm.

***\* Bài tập***

**1**. Một vật có khối lượng m = 3 kg được kéo lên trên mặt phẵng nghiêng một góc 300 so với phương ngang bởi một lực không đổi F = 70 N dọc theo đường dốc chính. Biết hệ số ma sát là 0,05. lấy g = 10 m/s2. Hãy xác định các lực tác dụng lên vật và công do từng lực thực hiện khi vật di chuyển được một quãng đường s = 2 m.

**2**. Một vật có khối lượng m = 2 kg rơi tự do từ độ cao h = 10 m. Bỏ qua sức cản của không khí, lấy g = 10 m/s2. Hỏi sau thời gian 1,2 s trọng lực đã thực hiện một công bằng bao nhiêu? Tính công suất trung bình của trọng lực trong thời gian 1,2 s và công suất tức thời của trọng lực tại thời điểm t = 1,2 s.

**3**. Một cần cẩu nâng một vật nặng khối lượng 5 tấn. Lấy g = 10 m/s2.

 a) Lực nâng của cần cẩu phải bằng bao nhiêu để vật có gia tốc không đổi bằng 0,5 m/s2.

 b) Công suất của cần cẩu biến đổi theo thời gian ra sao?

 c) Tính công mà cần cẩu thực hiện được sau thời gian 3 giây.

**4**. Một lực 5 N tác dụng vào một vật 10 kg ban đầu đứng yên trên mặt sàn nằm ngang không ma sát. Tính công thực hiện bởi lực trong giây thứ nhất, thứ hai và thứ ba.

***3. Động năng và định lí động năng***

***\* Các công thức***

Động năng: Wđ = mv2.

Công của các lực tác dụng lên vật và độ biến thiên động năng của vật: A12 = ΔWđ = mv - mv. Với A12 là tổng công của tất cả các lực tác dụng lên vật.

***\* Phương pháp giải***

 Xác định công của tất cả các ngoại lực tác dụng lên vật (lưu ý về dấu của công). Xác định động năng của vật ở đầu quãng đường và cuối quãng đường. Viết biểu thức liên hệ giữa công của các lực tác dụng lên vật và độ biến thiên động năng của vật từ đó suy ra đại lượng cần tìm.

***\* Bài tập***

**1**. Một viên đạn khối lượng 50 g bay ngang với vận tốc không đổi 200 m/s.

 a) Viên đạn đến xuyên qua một tấm gổ dày và chui sâu vào gỗ 4 cm. Xác định lực cản (trung bình) của gỗ.

 b) Trường hợp tấm gỗ đó chỉ dày 2 cm thì viên đạn chui qua tấm gỗ và bay ra ngoài. Xác định vận tốc của đạn lúc ra khỏi tấm gỗ.

**2**. Một viên đạn có khối lượng 14 g bay theo phương ngang với vận tốc 400 m/s xuyên qua tấm gỗ dày 5 cm. Sau khi xuyên qua gỗ, đạn có vận tốc 120 m/s. Tính lực cản trung bình của tấm gỗ tác dụng lên đạn.

**3**. Một ôtô có khối lượng 4 tấn đang chuyển động với vận tốc 72 km/h trên một đoạn đường nằm ngang thì hãm phanh. Sau khi đi được quãng đường 50 m thì vận tốc của ôtô giảm xuống còn 36 km/h.

 a) Tính lực hãm trung bình của ôtô.

 b) Nếu vẫn giử nguyên lực hãm trung bình đó thì sau khi đi được quãng đường bằng bao nhiêu kể từ lúc hãm phanh ôtô dừng lại?

**4**. Một đoàn tàu khối lượng 200 tấn đang chạy với vận tốc 72 km/h trên một đoạn đường thẳng nằm ngang. Tàu hãm phanh đột ngột và bị trượt trên một quãng đường dài 160 m trong 2 phút trước khi dừng hẵn.

 a) Trong quá trình hãm động năng của tàu đã giảm bao nhiêu?

 b) Lực hãm được coi như là không đổi. Tìm lực hãm và công suất trung bình của lực hãm này.

**5**. Một ôtô có khối lượng 1600 kg đang chạy với vận tốc 50 km/h thì người lái thấy một vật cản trước mặt, cách khoảng 15 m. Người lái xe tắt máy và hãm phanh khẩn cấp. Giả sử lực hãm ôtô là không đổi và bằng 1,2.104 N. Hỏi xe có kịp dừng tránh khỏi đâm vào vật cản không?

**6**. Một xe ôtô có khối lượng 4 tấn đang chạy với vận tốc 36 km/h trên một đoạn đường nằm ngang thì lái xe thấy một chướng ngại vật ở cách 10 m nên tắt máy và hãm phanh.

 a) Đường khô, lực hãm bằng 22000 N. Xe dừng lại cách vật chướng ngại bao nhiêu?

 b) Đường ướt, lực hãm bằng 8000 N. Tính động năng và vận tốc của xe lúc va vào vật chướng ngại.

***4. Thế năng trọng trường và định luật bảo toàn cơ năng khi vật chuyển động chỉ dưới tác dụng của trọng lực***

***\* Các công thức***

+ Thế năng trọng trường: Wt = mgz.

+ Định luật bảo toàn cơ năng:

 W = Wđ + Wt = mv2 + mgz = hằng số;

 haymv+ mgz1 = mv+ mgz2 = ...

***\* Phương pháp giải***

 Để tìm các đại lượng trong chuyển động của vật trong trọng trường khi bỏ qua ma sát trước hết ta chọn mốc thế năng rồi xác định thế năng, động năng của vật ở từng vị trí sau đó viết biểu thức của định luật bảo toàn cơ năng, từ đó suy ra và tính đại lượng cần tìm.

***\* Bài tập***

**1**. Một vật có khối lượng 1 kg đang ở cách mặt đất một khoảng H = 20 m. Ở chân đường thẳng đứng đi qua vật có một cái hố sâu h = 5 m. Cho g = 10 m/s2.

 a) Tính thế năng của vật khi chọn gốc thế năng là đáy hố.

 b) Cho vật rơi không vận tốc ban đầu, tìm vận tốc của vật khi chạm đáy hố. Bỏ qua sức cản của không khí.

 c) Với gốc thế năng là mặt đất thì thế năng của vật khi nằm ở đáy hố bằng bao nhiêu?

**2**. Từ độ cao 180 m, người ta thả rơi một vật nặng không vận tốc ban đầu. Bỏ qua sức cản không khí. Lấy g = 10 m/s2. Xác định:

 a) Độ cao mà ở đó thế năng bằng động năng và tính vận tốc của vật ở độ cao đó.

 b) Vận tốc của vật lúc chạm đất.

**3**. Từ độ cao 25 m người ta ném thẳng đứng một vật nặng lên cao với vận tốc ban đầu bằng 20 m/s. Bỏ qua sức cản không khí. Lấy g = 10 m/s2. Tính:

 a) Độ cao cực đại mà vật đạt được.

 b) Độ cao mà ở đó thế năng bằng nữa động năng và vận tốc của vật ở độ cao đó.

**4**. Một vật có khối lượng m = 3 kg được đặt ở một vị trí trong trọng trường và thế năng tại vị trí đó bằng Wt1 = 600 J. Thả tự do cho vật rơi tới mặt đất, tại đó thế năng của vật bằng Wt2 = - 900 J.

 a) Hỏi vật đã rơi từ độ cao nào so với mặt đất?

 b) Xác định vị trí ứng với mức 0 của thế năng đã chọn và tìm vận tốc của vật khi đi qua vị trí này.

**5**. Một con lắc đơn có chiều dài *l* = 1 m. Kéo cho dây làm với đường thẳng đứng một góc α0 = 450 rồi thả tự do. Bỏ qua sức cản không khí. Lấy g = 10 m/s2. Tìm vận tốc của con lắc khi nó đi qua:

 a) Vị trí ứng với góc α = 300.

 b) Vị trí cân bằng.

**6**. Một con lắc đơn gồm vật nặng khối lượng m = 1 kg treo vào sợi dây có chiều dài *l* = 40 cm. Kéo vật đến vị trí dây làm với đường thẳng đứng một góc α0 = 600 rồi thả nhẹ. Bỏ qua sức cản không khí. Lấy g = 10 m/s2. Tìm vận tốc của con lắc và lực căng của sợi dây khi nó đi qua:

 a) Vị trí ứng với góc α = 300.

 b) Vị trí cân bằng.

***5. Thế năng đàn hồi và định luật bảo toàn cơ năng khi vật chuyển động chỉ dưới tác dụng của lực đàn hồi***

***\* Các công thức***

+ Thế năng đàn hồi của lò xo có độ biến dạng x (x = Δ*l*): Wt = kx2.

+ Định luật bảo toàn cơ năng:

 W = Wđ + Wt = mv2 + kx2 = hằng số;

 hay mv+ kx= mv+ kx = ...

***\* Phương pháp giải***

 Để tìm các đại lượng trong chuyển động của vật khi chịu tác dụng của lực đàn hồi ta viết biểu thức liên hệ giữa các đại lượng cần tìm và các đại lượng đã biết rồi suy ra và tính đại lượng cần tìm.

***\* Bài tập***

**1**. Một súng lò xo có hệ số đàn hồi k = 50 N/m được đặt nằm ngang, tác dụng một lực để lò xo bị nén một đoạn 2,5 cm. Khi được thả, lò xo bung ra tác dụng vào một mũi tên nhựa có khối lượng m = 5 g làm mũi tên bị bắn ra. Bỏ qua lực cản, khối lượng của lò xo. Tính vận tốc của mũi tên được bắn đi.

**2**. Một khẩu súng đồ chơi có một lò xo dài 10 cm, lúc bị nén chỉ còn dài 4 cm thì có thể bắn thẳng đứng một viên đạn có khối lượng 30 g lên cao 6 m. Tìm độ cứng của lò xo.

**3**. Một lò xo có độ cứng k, khối lượng không đáng kể, được treo thẳng đứng, đầu dưới gắn với một vật nặng. Từ vị trí cân bằng O, kéo vật nặng thẳng đứng xuống phía dưới đến A với OA = x. Chọn mốc thế năng tại vị trí cân bằng O. Tính thế năng của hệ (lò xo và vật nặng) tại A.

**4**. Một quả cầu có khối lượng m = 100 g treo vào lò xo có độ cứng k = 100 N/m. Lấy g = 10 m/s2.

 a) Tính độ dãn của lò xo khi quả cầu ở vị trí cân bằng.

 b) Kéo quả cầu theo phương thẳng đứng xuống phía dưới cách vị trí cân bằng một khoảng x = 2 cm rồi thả không vận tốc đầu. Tính vận tốc của quả cầu khi nó đi qua vị trí cân bằng.

**5**. Một vật nhỏ có khối lượng m = 160 g gắn vào đầu của một lò xo đàn hồi có độ cứng k = 100 N/m, khối lượng không đáng kể; đầu kia của của lò xo được giữ cố định. Tất cả nằm trên một mặt ngang không ma sát. Vật được đưa về vị trí mà tại đó lò xo dãn 5 cm. Sau đó vật được thả nhẹ nhàng. Dưới tác dụng của lực đàn hồi, vật bắt đầu chuyển động. Xác định vận tốc của vật khi:

 a) Vật về tới vị trí lò xo không biến dạng.

 b) Vật về tới vị trí lò xo dãn 3 cm.

**6**. Một lò xo đàn hồi có độ cứng 200 N/m, khối lượng không đáng kể, được treo thẳng đứng. Đầu dưới của lò xo gắn vào vật nhỏ khối lượng m = 400 g. Vật được giữ tại vị trí lò xo không dãn, sau đó thả nhẹ nhàng cho vật chuyển động. Lấy g = 10 m/s2.

 a) Xác định vị trí mà lực đàn hồi cân bằng với trọng lực của vật.

 b) Tính vận tốc của vật tại vị trí đó.

**C. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

**1**. Một quả bóng có khối lượng 300 g va chạm vào tường và nảy ngược trở lại với cùng vận tốc. Vận tốc trước va chạm là +5m/s. Biến thiên động lượng của quả bóng là

 **A**. -1,5 kgm/s. **B**. 1,5 kgm/s. **C**. -3 kgm/s. **D**. 3 kgm/s.

**2**. Trong quá trình nào sau đây, động lượng của ôtô không thay đổi

 **A**. Ôtô tăng tốc.

 **B**. Ôtô giảm tốc.

 **C**. Ôtô chuyển động tròn đều.

 **D**. Ôtô chuyển động thẳng đều trên đoạn đường có ma sát.

**3**. Một quả đạn pháo đang chuyển động thì nổ và bắn thành 2 mãnh

 **A**. Động lượng và cơ năng toàn phần đều không bảo toàn.

 **B**. Động lượng và động năng được bảo toàn.

 **C**. Chỉ cơ năng được bảo toàn.

 **D**. Chỉ động lượng được bảo toàn.

**4**. Một người nhấc một vật có khối lượng 6 kg lên độ cao 1 m rồi mang vật đó đi ngang được một độ dời 30 m. Công tổng cộng mà người đó là

 **A**. 1860 J. **B**. 1800J. **C**. 160 J. **D**. 60 J.

**5**. Chọn câu đúng

 **A**. Lực là đại lượng véc tơ, nên công cũng là một đại lượng véc tơ.

 **B**. Trong chuyển động tròn, lực hướng tâm thực hiện công vì có hai yếu tố: Lực tác dụng và độ dời của vật chịu tác dụng lực.

 **C**. Công của lực là đại lượng vô hướng và có giá trị đại số.

 **D**. Khi một vật chuyển động thẳng đều, các lực tác dụng lên vật không thực hiện công.

**6**. Công suất được xác định bằng

 **A**. Giá trị công có khả năng thực hiện.

 **B**. Công thực hiện trong một đơn vị thời gian.

 **C**. Công thực hiện trên một đơn vị độ dài.

 **D**. Tích của công và thời gian thực hiện công.

**7**. Công suất của một người kéo một thùng nước chuyển động đều khối lượng 15 kg từ giếng sâu 6 m lên trong 20 giây (g = 10 m/s2) là

 **A**. 90 W. **B**. 45 W. **C**. 15 W. **D**. 4,5 W.

**8**. Hai vật có cùng động lượng nhưng có khối lượng khác nhau, cùng đi vào chuyển động trên một mặt phẵng có ma sát và bị dừng lại do ma sát. Hệ số ma sát là như nhau. So sánh thời gian chuyển động của mỗi vật cho tới khi bị dừng.

 **A**. Thời gian chuyển động của vật có khối lượng lớn dài hơn.

 **B**. Thời gian chuyển động của vật có khối lượng nhỏ dài hơn.

 **C**. Thời gian chuyển động của hai vật bằng nhau.

 **D**. Thiếu dữ kiện, không kết luận được.

**9**. Công của trọng lực

 **A**. Bằng tích của khối lượng với gia tốc rơi tự do và hiệu độ cao hai đầu quĩ đạo.

 **B**. Phụ thuộc vào hình dạng và kích thước đường đi.

 **C**. Chỉ phụ thuộc vào vị trí đầu và vị trí cuối đường đi.

 **D**. Không phụ thuộc vào khối lượng của vật di chuyển.

**10**. Trong chuyển động tròn nhanh dần đều, lực hướng tâm

 **A**. Có sinh công. **B**. Sinh công dương.

 **C**. Không sinh công. **D**. Sinh công âm.

**11**. Chọn câu ***sai***. Động năng của vật không đổi khi vật

 **A**. Chuyển động thẳng đều.

 **B**. Chuyển động với gia tốc không đổi.

 **C**. Chuyển động tròn đều.

 **D**. Chuyển động cong đều.

**12**. Động năng của vật tăng khi

 **A**. Gia tốc của vật có giá trị dương.

 **B**. Vận tốc của vật có giá trị dương.

 **C**. Các lực tác dụng lên vật sinh công dương.

 **D**. Gia tốc của vật tăng.

**13**. Ôtô có khối lượng 1 tấn chạy với vận tốc 72 km/h có động năng

 **A**. 72.104 J. **B**. 106 J. **C**. 40.104 J. **D**. 20.104 J.

**14**. Cơ năng của một vật được bảo toàn khi

 **A**. Vật đứng yên.

 **B**. Vật chuyển động thẳng đều.

 **C**. Vật chuyển động không có ma sát.

 **D**. Vật chuyển động tròn đều.

**15**. Khi vận tốc của một vật tăng gấp đôi thì

 **A**. Gia tốc của vật tăng gấp đôi.

 **B**. Động lượng của vật tăng gấp đôi.

 **C**. Động năng của vật tăng gấp đôi.

 **D**. Thế năng của vật tăng gấp đôi.

**16**. Một quả bóng được ném với vận tốc ban đầu xác định. Bỏ qua sức cản không khí.Đại lượng nào không đổi khi quả bóng bay?

 **A**. Thế năng. **B**. Động lượng. **C**. Động năng. **D**. Gia tốc.

**17**. Một vật được ném thẳng đứng từ mặt đất lên cao với vật tốc 8 m/s, bỏ qua sức cản không khí, lấy g = 10 m/s2. Độ cao cực đại mà vật đạt được là

 **A**. 80 m. **B**. 0,8 m. **C**. 3,2 m. **D**. 6,4 m.

**18**. Một vật được ném thẳng đứng lên cao từ mặt đất với vận tốc 6 m/s, bỏ qua sức cản không khí, lấy g = 10 m/s2. Vị trí mà thế năng bằng động năng có độ cao là

 **A**. 0,9 m. **B**. 1,8 m. **C**. 3 m. **D**. 5 m.

**19**. Khi một vật khối lượng m chuyển động có vận tốc tức thời biến thiên từ đến thì công của các ngoại lực tác dụng lên vật tính bằng công thức nào sau đây?

 **A**. A = m- m. **B**. A = mv2 – mv1.

 **C**. A = m+ m. **D**. A = mv- mv.

**20**. Công cơ học là đại lượng

 **A**. Vô hướng. **B**. Luôn dương. **C**. Luôn âm. **D**.Véctơ

**21**. Gọi  là góc hợp bởi hướng của lực tác dụng vào vật và hướng dịch chuyển của vật. Công của lực là công cản nếu

 **A**. 0 <α<. **B**. α = 0. **C**.α =. **D**. <α<π.

**22**. Công thức tính thế năng đàn hồi của một lò xo ở trạng thái có độ biến dạng Δ*l* là

 **A**. Wt = (Δ*l*)2. **B**. Wt= kΔ*l*.

 **C**. Wt= k(Δ*l*)2. **D**. Wt= k2.

**23**. Động năng của vật sẽ giảm khi vật chuyển động

 **A**. Thẳng đều. **B**. Tròn đều.

 **C**. Chậm dần đều. **D**. Nhanh dần đều.

**24**. Sự biến thiên động năng tương ứng với

 **A**. công. **B**. động lượng. **C**. công suất. **D**. xung lượng.

**25**. Một máy công suất 1500 W, nâng một vật khối lượng 100 kg lên độ cao 36 m trong vòng 45 giây. Lấy g = 10 m/s2. Hiệu suất của máy là

 **A**. 5,3%. **B**. 48%. **C**. 53%. **D**. 65%.

**26**. Một vật có khối lượng 40 kg gắn vào đầu lò xo nằm ngang có độ cứng 500 N/m. Tính cơ năng của hệ nếu vật được thả không vận tốc ban đầu từ vị trí lò xo có độ biến dạng Δ*l* = 0,2 m. Bỏ qua ma sát.

 **A**. 5 J. **B**. 10 J. **C**. 20 J. **D**. 50 J.

**27**. Một quả bóng được ném lên cao, vận tốc ban đầu hợp với phương thẳng đứng một góc α. Đại lượng nào sau đây thay đổi trong suốt cả quá trình chuyển động?

 **A**. Khối lượng của vật. **B**. Gia tốc của vật.

 **C**. Động năng của vật. **D**. Nhiệt độ của vật.

**28**. Một người đứng yên trong thang máy và thang máy đi lên với vận tốc không đổi. Lấy mặt đất làm gốc thế năng thì

 **A**. thế năng của người giảm và động năng tăng.

 **B**. thế năng của người giảm và động không đổi.

 **C**. thế năng của người tăng và động năng giảm.

 **D**. thế năng của người tăng và động năng không đổi.

1. **MÔN HÓA HỌC**

**BÀI TẬP TỰ HỌC CHƯƠNG 5: HALOGEN**

**HÓA HỌC 10**

**Câu 1.**Các nguyên tố nhóm VIIA có cấu hình electron lớp ngoài cùng là

 A. ns2np3 B. ns2np5 C. ns2np4 D. ns2np6

**Câu 2.**Trong các hợp chất, số oxi hóa phổ biến của các nguyên tố clo, brom, iot là:

A. -1, 0, +2, +3, +5. B. -1, +1, +3, +5, +7.

C. -1, 0, +1, +2, +7. D. -1, 0, +1, +2, +3, +4, +5.

**Câu 3.**Trong nhóm halogen, khả năng oxi hóa của các chất luôn

A. tăng dần từ flo đến iot. B. giảm dần từ flo đến iot.

C. tăng dần từ clo đến iot trừ flo. D. giảm dần từ clo đến iot trừ flo.

**Câu 4.**Hãy chọn từ và cụm từ thích hợp trong các phương án A,B cho dưới đây vào các ô trống (1), (2) của các câu sau:

Halogen là những(1), chúng là những chất (2)Từ flo đến iot khả năng oxihóa của các halogen (3)bán kính nguyên tử(4) độ âm điện(5)Trong các hợp chất flo luôn có số oxi hóa là(6), các halo gen khác có số oxi hóa là(7)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | A |  B |  C  |  D |
| 1 | kim loại điển hình | phi kim điển hình | nguyên tử điển hình  | hợp chất điển hình  |
| 2 | khử mạnh | khử yếu  | oxi hóa mạnh  | oxi hóa yếu  |
| 3,4,5 | tăng dần | giảm dần | không tăng | không giảm |
| 6 |  +1 |  - 1  |  + 3 |  + 5 |
|  7  | –1,0, +2, +3, +5.  | –1,+1,+3,+5, +7. | –1, 0, +1, +2, +7. | –1,0,+1,+2,3, +4, +5. |

**Câu 5.**Hãy chọn từ và cụm từ thích hợp trong các phương án A,B cho dưới đây vào các ô trống (1), (2) của các câu sau:

ở điều kiện bình thường clo là chất...(1) có màu (2) có mùi (3) khí clo (4) so với không khí. Khí clo tan (5) trong nước. Trong dung môi hữu cơ khí clo tan(6)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  A |  B |  C |  D |
| 1 |  lỏng  |  khí  |  rắn  |  hơi  |
| 2 |  nâu |  vàng da cam  |  vàng lục  |  vàng chanh |
| 3 |  thơm |  xốc |  trứng thối |  không mùi |
| 4 | nặng bằng |  nhẹ bằng  | nhẹ hơn  | nặng hơn  |
| 5 | vừa phải  | mạnh  | ít  | hoàn toàn |
| 6 |  ít | nhiều | không tan | tan hoàn toàn |

**Câu 6.**Lọ đựng chất nào sau đây có màu vàng lục ?

 A. Khí F2 B. Hơi Br2 C. Khí N2 D. Khí Cl2

**Câu 7.**Phân tử của các đơn chất halogen có kiểu liên kết:

A. cộng hóa trị B. tinh thể C.ion D. phối trí

**Câu 8.**Khi dùng muôi sắt đốt natri trong Cl2, xảy ra hiện tượng nào sau đây ?

 A. Natri cháy đỏ rực có khói trắng tạo ra.

 B. Natri cháy sáng trắng có khói nâu tạo ra.

 C. Natri cháy có ngọn lửa màu vàng có khói trắng và một ít khói nâu tạo ra.

 D. Natri cháy sáng trắng, có khói trắng và khói nâu bay ra mù mịt.

**Câu 9.**Hiện tượng nào xảy ra khi đưa một dây đồng mảnh , được uốn thành lò xo, hơ nóng đỏ trên ngọn lửa đèn cồn vào lọ thủy tinh đựng đầy khí clo (lưu ý đáy lọ chứa một lớp nước mỏng) ?

 A. Dây đồng không cháy

 B. Dây đồng cháy mạnh có khói màu nâu.

 C. Dây đồng cháy mạnh , có khói màu nâu, khi khói tan lớp nước ở đáy lọ thủy tinh có màu xanh nhạt.

 D. Không có hiện tượng gì xảy ra.

**Câu 10.**Sục một lượng khí clo vừa đủ vào dung dịch chứa hỗn hợp NaI và NaBr, chất được giải phóng là:

A. Cl2 và Br2 B. I2 C. Br2 D. I2 và Br2

**Câu 11.**Sắt tác dụng với chất nào dưới đây cho muối sắt (III) clorua (FeCl3) ?

A. HCl B. Cl2  C. NaCl D. CuCl2

**Câu 12.**Clo tác dụng với chất nào dưới đây tạo ra muối sắt (III) clorua (FeCl3) ?

A. FeCl2 B. Fe2O3  C. FeO D. Fe3O4

**Câu 13.**Trong các phản ứng dưới đây, phản ứng nào chứng tỏ nguyên tố clo vừa là chất oxi hoá, vừa là chất khử (phản ứng tự oxi hoá khử).

A. Cl2 + 2H2O + SO2 → 2HCl + H2SO4 B. Cl 2 + H2O → HCl + HClO

C. 2Cl2 + 2H2O → 4HCl + O2 D. Cl2 + H2 → 2HCl

**Câu 14.**Tìm câu ***sai*** trong các câu sau đây:

A. Clo tác dụng với dung dịch kiềm.

B. Clo có tính chất đặc trưng là tính khử mạnh.

C. Clo là phi kim rất hoạt động là chất oxi hoá mạnh, trong một số phản ứng clo thể hiện tính khử.

D. Có thể điều chế được các hợp chất của clo, trong đó số oxi hoá của clo là –1, +1, +3, +5, +7.

**Câu 15.**Nguyên tắc chung để điều chế Cl2 trong phòng thí nghiệm là

A. dùng chất giàu clo để nhiệt phân ra Cl2.

B. dùng flo đẩy clo ra khỏi dung dịch muối của nó

C. cho các chất có chứa ion Cl– tác dụng với các chất oxi hoá mạnh.

D. điện phân các muối clorua.

**Câu 16.**Trong các phản ứng điều chế clo sau đây, phản ứng nào ***không***dùng để điều chế clo trong phòng thí nghiệm:

 A. 2NaCl + 2H2O 2NaOH + H2 + Cl2

 B. MnO2 + 4HClMnCl2 + Cl2 + 2H2O

 C. 2KMnO4 + 16HCl → 2MnCl2 + 2KCl + 5Cl2 + 8H2O

 D. KClO3 + 6 HCl → KCl + 3H2O + 3Cl2

**Câu 17.**Hãy lựa chọn các hóa chất cần thiết trong phòng thí nghiệm để điều chế clo?

 A. MnO2, dung dịch HCl loãng.

 B. KMnO4, dung dịch HCl đậm đặc.

 C. KMnO4, dung dịch H2SO4 đậm đặc và tinh thể NaCl

 D. dung dịch H2SO4 đậm đặc và tinh thể NaCl

**Câu 18.**Chất nào sau đây thường được dùng để diệt khuẩn và tẩy màu ?

 A. O2 B. N2 C. Cl2 D. CO2

**Câu 19.**Trong các câu sau đây, câu nào ***đúng điền chữ Đ* ,** câu nào***sai* điền chữ S**?

a) Clo được dùng để sát trùng nước trong hệ thống cung cấp nước sạch.

 b) Clo được dùng để tẩy trắng sợi, vải, giấy.

 c) Clo là nguyên liệu để sản xuất nhiều hợp chất vô cơ và hữu cơ.

 d) Clo được dùng để chế tạo thuốc nổ.

**Câu 20.**Khi mở vòi nước máy , nếu chú ý sẽ phát hiện được mùi lạ. Đó là do nước máy còn lưu giữ mùi của chất sát trùng. Đó chính là clo và người ta giải thích khả năng diệt khuẩn của clo là do:

 A. clo độc nên có tính sát trùng.

 B. clo có tính oxi hóa mạnh.

 C. có HClO chất này có tính oxi hóa mạnh.

 D. có oxi nguyên tử (O) nên có tính oxi hóa mạnh.

**Câu 21.**Trong các câu sau đây, câu nào ***đúng*,** câu nào ***sai***?

a) Hiđro clorua là chất khí không màu, mùi xốc, nhẹ hơn không khí.

b) Khí hiđro clorua tan nhiều trong nước tạo thành dung dịch axit.

c) Khí hiđro clorua không độc còn axit clohiđric rất độc.

d) Dung dịch axit clohiđric là chất lỏng không màu, có mùi xốc, bốc khói trong không khí ẩm.

**Câu 22.**Trong các câu sau đây, câu nào ***đúng*,** câu nào ***sai* ?**Hiđroclorua là

a) chất khí tan nhiều trong nước.

b) chất khí khó tan hoà tan trong nước.

c) chất khí khô không làm quỳ tím đổi màu.

d) chất tác dụng được với CaCO3 để giải phóng ra khí CO2.

**Câu 23.**Khi mở một lọ đựng dung dịch axit HCl 37% trong không khí ẩm, thấy có khói trắng bay ra. Khói đó là:

 A. do HCl phân hủy tạo thành H2 và Cl2.

 B. do HCl dễ bay hơi tạo thành.

 C. do HCl dễ bay hơi, hút ẩm tạo ra các giọt nhỏ axit HCl.

 D. do HCl đã tan trong nước đến mức bão hòa.

**Câu 24.**Khí hiđro clorua có thể được điều chế bằng cách cho muối ăn (NaCl rắn) tác dụng với chất nào sau đây ?

A. NaOH B. H2SO4 đặc C.H2SO4 loãng D. H2O

**Câu 25.**Muốn điều chế axit clohiđric từ khí hiđro clorua ta có thể dùng phương pháp nào sau đây ?

A. Oxi hoá khí này bằng MnO2. B. Cho khí này hoà tan trong nước.

C. Oxi hoá khí này bằng KMnO4. D. Cho khí này tác dụng với dung dịch axit clohiđric loãng.

**Câu 26.**Trong các dãy oxit sau, dãy nào gồm các oxit phản ứng được với axit HCl ?

A. CuO, P2O5, Na2O B. CuO, CO, SO2.

C. FeO, Na2O, CO D. FeO, CuO, CaO, Na2O.

**Câu 27.**Axit HCl có thể phản ứng được với các chất trong dãy nào sau đây ?

A. Cu, CuO, Ba(OH)2, AgNO3, CO2­. B. NO, AgNO3, CuO, quỳ tím, Zn.

C. Quỳ tím, Ba(OH)2, Zn, P2O5 D. AgNO3, CuO, Ba(OH)2, Zn, quỳ tím.

**Câu 28.**Dãy nào sau đây gồm các axit phản ứng được với Zn tạo ra khí H2 ?

A. HCl, H2SO4 đặc, nóng B. HNO3 , H2SO4(loãng)

C. HCl , H2SO4(loãng) D. HCl, HNO3.

**Câu 29.**Trong các cặp chất sau đây, cặp nào gồm hai chất có thể phản ứng với nhau ?

A. NaCl và KNO3 B. Na2S và HCl

C. BaCl2 và HNO3 D. Cu(NO3)2 và HCl

**Câu 30.**Có thể dùng chất nào trong số các chất sau đây để làm thuốc thử nhận biết ra hợp chất halogenua trong dung dịch ?

A. AgNO3 B. Ba(OH)2 C. Ba(NO3)2 D. Cu(NO3)2

**Câu 31.**Phương án nào sau đây có 2 cặp chất đều không phản ứng với nhau ?

 A. CuSO4­ và BaCl2 ; Cu(NO3)2 và NaOH

 B. CuSO4 và Na2CO3 ; BaCl2và CuSO4

 C. Ba(NO3)2và NaOH ; CuSO4 và NaCl

 D. AgNO3 và BaCl2 ; AgNO3 và HCl

**Câu 32.**Dung dịch axit clohiđric thể hiện tính khử khi tác dụng với dãy các chất oxi hóa nào dưới đây ?

A. KMnO4, Cl2, CaOCl2, B. MnO2, KClO3, NaCl

C. K2Cr2O7, KMnO4 , MnO2, KClO3 D. K2Cr2O7, KMnO4, H2SO4

**Câu 33.**Trong các câu sau đây, câu nào *đúng*, câu nào *sai* ?

 Trong công nghiệp người ta sản xuất axit clohiđric:

 A) bằng phương pháp sunfat

 B) bằng phương pháp tổng hợp từ hidro và clo

 C) bằng phương pháp cho khí clo sục vào nước

 D) bằng quá trình clo hóa các hợp chất hữu cơ

**Câu 34.**Số oxi hoá của clo trong các chất: HCl, KClO3, HClO, HClO2, HClO4 lần lượt là

A. -1, +5, -1, +3, +7. B. -1, +5, +1, -3, -7.

C. -1, +2, +3, +5, +7. D. -1, +5, +1, +3, +7.

**Câu 35.**Nước Gia-ven được điều chế bằng cách nào sau đây ?

A. Cho clo tác dụng với nước.

B. Cho clo tác dụng dung dịch NaOH loãng nguội.

C. Cho clo tác dụng với dung dịch Ca(OH)2.

D. Cho clo tác dụng với dung dịch KOH.

**Câu 36.**Trong các câu sau đây, câu nào *đúng*, câu nào *sai* ?

Người ta điều chế nước Gia-ven bằng cách:

a) cho clo tác dụng dung dịch NaOH loãng nguội.

b) cho clo tác dụng với dung dịch NaOH đặc nóng

c) điện phân dung dịch muối ăn không có màng ngăn

d) điện phân muối ăn nóng chảy

**Câu 37.**Clorua vôi có công thức là

 A. CaCl2 B. CaOCl C. CaOCl2 D. Ca(OCl)2

**Câu 38.**Điều chế clorua vôi bằng cách đun nóng nhẹ (ở 30 oC)

A. Ca(OH)2 với HCl B. Ca(OH)2 với Cl2

C. CaO với HCl D. CaO với Cl2

**Câu 39.**Clorua vôi được sử dụng nhiều hơn nước Gia-ven vì

A. clorua vôi rẻ tiền hơn.

B. clorua vôi có hàm lượng hipoclorit cao hơn.

C. clorua vôi để bảo quản và dễ chuyên chở hơn.

D. Cả A, B, C.

**Câu 31.**Trong các phương trình hóa học dưới đây, phương trình nào viết ***đúng,*** phương trình nào viết***sai:***

A. Cl2+ 2KOH nóng → KCl + KClO + H­2O

B. 3Cl2+ 6KOH nóng → 5KCl + KClO3 + 3H2O

C. Cl2 + 2KOH nóng → 2KCl + H2O

D. Cl2 + Ca(OH)2 nóng → CaOCl2 + H2O

**Câu 32.**Trong các câu sau đây, câu nào***đúng*,** câu nào***sai* ?**

 A) Dung dịnh NaClO, CaOCl2, KClO3  đều có tính oxihóa mạnh

 B) Dung dịnh NaClO, CaOCl2, KClO3(rắn) đều có tính oxi hóa mạnh

 C) Chỉ có ddNaClO, CaOCl2 có tính oxi hóa mạnh, dd KClO3  có tính khử

 D) Chỉ có dd CaOCl2, KClO3 có tính oxi hóa mạnh, còn ddNaClO có tính khử.

**Câu 33.**Người ta có thể sát trùng bằng dung dịch muối ăn NaCl, chẳng hạn như hoa quả tươi, rau sống được ngâm trong dung dịch NaCl từ 10 - 15 phút. Khả năng diệt khuẩn của dung dịch NaCl là do:

 A. dung dịch NaCl có thể tạo ra ion Cl- có tính khử.

 B. vi khuẩn bị mất nước do thẩm thấu.

 C. dung dịch NaCl mặn nên sát trùng tốt

 D. một lý do khác.

**Câu 34.**Đầu que diêm chứa S, P,C,KClO3. Vai trò của KClO3 là

 A. làm chất độn để hạ giá thành sản phẩm.

 B. làm chất kết dính.

 C. chất cung cấp oxi để đốt cháy C,S,P.

 D. làm tăng ma sát giữa đầu que diêm với vor bao diêm.

**Câu 35.**Nguyên tắc điều chế flo là

A. cho các chất có chứa ion F– tác dụng với các chất oxi hoá mạnh.

B. dùng dòng điện để oxi hóa ion F– trong florua nóng chảy (phương pháp điện phân hỗn hợp KF và HF).

C. cho HF tác dụng với chất oxi hóa mạnh.

D. dùng chất có chứa F để nhiệt phân ra F.

**Câu 36.**Để điều chế được khí hiđro florua ( HF) người ta cho:

 A. 2NaF + H2SO4 → Na2SO4 + 2 HF

 B. CaF2 + H2SO4→ CaSO4 + 2HF

 C. H2 + F2 → 2 HF

 D. F2 + H2O → 4HF + O2

**Câu 37.**Để phân biệt dung dịch natri florua và dung dịch natri clorua, người ta có thể dùng chất thử nào trong các chất sau đây ?

A. Dung dịch Ba(OH)2  B. Dung dịch AgNO3

C. Dung dịch Ca(OH)2 D. Dung dịch flo

**Câu 38.**Hãy chọn từ và cụm từ thích hợp trong các phương án A,B cho dưới đây vào các ô trống (1), (2) của các câu sau:

Nguyên tố flo ở điều kiện thường là chất (1)có màu..(2) có độ âm điện .(3) nên flo là phi kim (4) flo oxi hóa được(5), tác dụng trực tiếp với(6)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  A |  B |  C |  D |
| 1 | rắn | lỏng | khí | hơi |
| 2 | vàng lục | lục nhạt | nâu đỏ | nâu đen |
| 3 | lớn nhất | nhỏ nhất | trung bình | bằng không |
| 4 | phi kim yếu nhất | phikimmạnh nhất | phi kim trung bình | kim loại TB |
| 5 | hầu hết kim loại | tất cả các phi kim | tất cả các kim lọai | một số kim loại |

**Câu 39.**Dùng bình thuỷ tinh có thể chứa được các dung dịch axit trong dãy nào dưới đây ?

A. HCl, H2SO4, HF, HNO3  B. HCl, H2SO4, HF

C. H2SO4, HF, HNO3  D. HCl, H2SO4, HNO3

**Câu 40.**Có thể điều chế Br2 trong công nghiệp từ các cách nào trong các cách dưới đây ?

A. 2NaBr + Cl2 → 2NaCl + Br2

B. 2H2SO4 + 4KBr + MnO2 → 2K2SO4 + Br2+ 2H2O

C. Cl2 + 2HBr →2HCl + Br2

D. 2AgBr→ 2Ag + Br2

**Câu 41.**Hãy chọn từ và cụm từ thích hợp trong các phương án A,B cho dưới đây vào các ô trống (1), (2) của các câu sau:

 Brom là chất..(1).. có màu..(2).. , đễ bay hơi, rất độc. Brom là chất ..(3)..Brom oxihóa (4), các phản ứng đều..(5)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  A |  B |  C |  D |
| 1 |  rắn |  lỏng |  khí  |  hơi |
| 2 | vàng lục |  lục nhạt |  đỏ nâu  |  vàng chanh |
| 3 | khử mạnh | oxi hóa mạnh | oxi hóa yếu | khử trung bình |
| 4 | tất cả các kim loại | nhiều kim loại | một số kim lọai  | một số phi kim |
| 5 | thu nhiệt | tỏa nhiệt | không thu, không tỏa nhiệt |  |

**Câu 42.**Một ống thí nghiệm hình trụ có một ít hơi brom.Muốn hơi thoát ra nhanh, dùng cách nào sau đây ?

A. Đặt ống đứng thẳng. C. Treo trên giá.

B. úp ngược ống. D. Đặt nghiêng ống.

**Câu 43.**Trong các dãy chất dưới đây, dãy nào gồm các chất đều tác dụng được với Br2 ?

A. H2, dung dịch NaI, Cl2, H2O. B. Al, H2, dung dịch NaI, H2O.

C. H2­, dung dịch NaCl, H2O, Cl2. D. Dung dịch HCl, dung dịch NaI, Mg, Cl2.

**Câu 44.**Để điều chế được khí hiđro bromua (HBr) người ta cho:

A. 2NaBr + H2SO4→ 2HBr + Na2SO4

B. Br2 + H2 → 2HBr

 C. Br2 + H2O → HBr + HBrO

 D. PBr3 + 3H2O → 3HBr + H3PO3

**Câu 45.**Hãy chọn từ và cụm từ thích hợp trong các phương án A,B cho dưới đây vào các ô trống (1), (2) của các câu sau:

 ở nhiệt độ thường iot là(1)có màu..(2).. Khi được đun nóng nhẹ ở áp suất khí quyển iot có sự thăng hoa. Đó là hiện tượng iot từ trạng thái ..(3).. biến thành(4) khi làm lạnh ..(5).. chuyển thành(6)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  A |  B  |  C |  D |
| 1 | chất lỏng  | chất rắn(tinh thể) | chất khí  | thể hơi |
| 2 | đỏ nâu |  đen |  đen tím |  nâu đen |
| 3,4,5,6 |  lỏng |  tinh thể |  hơi |  khí |

**Câu 46.**Trong các chất sau đây, chất nào dùng để nhận biết hồ tinh bột ?

A. Cl2 B. I2 C. NaOH D. Br2

**Câu 47.**Tính oxi hoá của các halogen giảm dần theo thứ tự nào sau đây ?

A. Cl2> Br2 > I2 > F2 B. F2 > Cl2 > Br2 > I2

C. Cl2 > F2 > Br2 > I2 D. I2 > Br2 > Cl2 > F2

**Câu 48.**Chọn các câu ***sai*** trong các câu sau đây:

A. Các hiđrohalgenua có tính khử tăng dần từ HI đến HF.

B. Các axit halogehiđric là axit mạnh (trừ axit HF)

 C. Các hiđrohalogenua khi sục vào nước tạo thành axit.

D. Tính axit của HX (X là halogen) tăng dần từ HF đến HI.

**Câu 49.**Hãy ghép câu ở cột B ( điều kiện phản ứng) vào PTHH ở cột A tương ứng sao cho phù hợp:

Cột A Cột B

Các PTHH Điều kiện phản ứng

1. H2  + F2→ 2HF a) tỉ lệ hh 1:1 thì hh nổ mạnh

2. H2 + Cl2→ 2HCl b) t0 cao, có xúc tác

3. H2 + Br2→ 2 HBr c) nổ mạnh ngay ở t0 thấp

4. H2 + I2→ 2HI d) đun nóng ( không gây nổ)

 e) đun nóng gây nổ

**Câu 50.**Trong muối natri clorua có lẫn tạp chất natri iotua. Để loại bỏ tạp chất đó người ta cho muối đó vào

A. nước, cô cạn và nung nóng. B. nước, cô cạn.

C. lượng dư nước clo, cô cạn, nung nóng. D. nước clo, nung nóng.

**Câu 51.**Từ các chất MnO2, KClO3, H2SO4, HCl, NaBr, NaOH, ta có thể điều chế được số lượng các khí và hơi là bao nhiêu ?

A. 5 B. 4 C. 6 D. 3

**Câu 52.**Muối bạc halogenua tan trong nước là muối nào sau đây ?

A. AgCl B. AgF C. AgBr D. AgI

**Câu 53.**Lựa chọn một trong các dãy hoá chất cho sau đây để dùng cho thí nghiệm so sánh tính hoạt động của các halogen.

A. Dd KBr, dd KI, dd clo, hồ tinh bột.

B. Dd KBr, dd KI, dd NaOH, khí Cl2, Br2 lỏng.

C. Dd clo, dd brom, dd NaOH, dd KBr.

D. Dd clo, dd brom, hồ tinh bột, dd KI, dd KBr.

**Câu 54.**Có ba bình không ghi nhãn, mỗi bình đựng một trong các dung dịch NaCl, NaBr và NaI. Dùng cặp thuốc thử nào sau đây để xác định dung dịch chứa trong mỗi bình ?

A. Dd clo, dd iot. B. Dd brom, dd iot.

C. Dd clo, hồ tinh bột. D. Dd brom, hồ tinh bột.

**Câu 55.**Trong các chất sau đây, chất nào có thể dùng làm thuốc thử để nhận biết hợp chất halogenua trong dung dịch ?

A. Ba(OH)2 B. NaOH C. AgNO3 D. Ba(NO)2

**Câu 56.**Để phân biệt được tất cả các dung dịch riêng biệt sau:

 NaNO3, MgCl2, FeCl2, FeCl3, Al(NO3)3, NH4Cl, (NH4)2SO4,cần dùng hoá chất nào sau đây ?

A. NaOH B. KOH C. Mg(OH)2 D. Ba(OH)2

**Câu 57.**Trong những chất sau đây, chất nào không có tính tẩy mầu ?

A. SO2 B. Dd clo C. SO2 và dd clo D. Dd Ca(OH)2

**Câu 58.**Những chất rắn không tan được trong dung dịch HCl tạo ra khí là:

A. FeS , CaCO3 , Na2CO3. B. FeS , MgCO3,

C. FeS , K2CO3 D. FeS , K2SO4 , KNO3

**Câu 59.**Cho 2 khí với tỉ lệ thể tích là 1: 1 ra ngoài ánh sáng Mặt Trời thì có hiện tượng nổ, hai khí đó là

A. N2 và H2  B. H2 và O2 C. H2 và Cl2 D. H2S và Cl2

**Câu 60.**Cho các phản ứng hoá học sau:

X + HCl → B + H2

B + NaOHvừa đủ→ C

C + KOH →A(dd) + ....

A(dd) + HCl → C

Vậy X là kim loại nào sau đây ?

A. Zn B. Al C. Fe D. Zn, Al.

**Câu 61.**Cho 10 g mangan đioxit tác dụng với axit clohiđric dư, đun nóng.

a) Thể tích khí thoát ra là

A. 2,57 lít B. 5,2 lít C. 1,53 lít D. 3,75 lít

b) Khối lượng mangan clorua tạo thành là

A. 8,4 g B.14,5 g C.12,2 g D. 4,2 g

Cho Mn = 55. Hãy chọn đáp án đúng.

**Câu 61.**Sục hết một lượng khí clo vào dung dịch NaBr và NaI đun nóng, ta thu được 1,17 g NaCl.

a) Số mol hỗn hợp NaBr và NaI đã phản ứng là

A. 0,10 mol B. 0,15 mol C. 0,02 mol D.1,50 mol

B) khí bay ra sau thí nghiệm là

A. Cl2 và Br2 B. Br2 C. I2 D. I2 và Br2

**Câu 62.**Cho 12,1 g hỗn hợp 2 kim loại A, B có hoá trị (II) không đổi tác dụng với dung dịch HCl tạo ra 0, 2 mol H2. Hai kim loại đó là

A. Ba và Cu. B. Mg và Fe. C. Mg và Zn. D. Fe và Zn.

**Câu 63.**Cho hỗn hợp 2 muối ACO3 và BCO3 tan trong dung dịch HCl vừa đủ tạo ra 0, 2 mol khí.

a) Số mol HCl tiêu tốn hết là

A. 0,20 mol. B. 0,10 mol. C. 0,15 mol. D. 0,40 mol.

b) Số mol hỗn hợp 2 muối phản ứng là

A. 0,20 mol. B. 0,25 mol. C. 0,15 mol. D. 0,40 mol.

**Câu 64.**Cho1,53 g hỗn hợp Mg, Fe, Zn vào dung dịch HCl dư thấy thoát ra 448 ml khí (đktc). Cô cạn hỗn hợp sau phản ứng thì thu được chất rắn có khối lượng là

A. 2,95 g B. 3,90 g C. 2,24 g D. 1,85 g

**Câu 65.**Khi trộn lẫn 200 ml dung dịch HCl 2M và 300 ml dung dịch HCl 4M, ta thu được dung dịch có nồng độ là

A. 3,0 mol/l. B. 3,5 mol/l. C. 5,0 mol/l. D. kết quả khác.

**Câu 66.**Để hoà tan hết hỗn hợp Zn và ZnO phải dùng 100,8 ml dung dịch HCl 36,5% (D =1,19 g/ml) thu được 0,4 mol khí. Thành phần % về khối lượng hỗn hợp Zn và ZnO ban đầu lần lượt là

A. 61,6% và 38,4%. B. 50,0% và 50,0%.

C. 45,0% và 55,0%. D. 40,0% và 60,0%.

**Câu 67.**Cho 10 g dung dịch HCl tác dụng với dung dịch AgNO­­3 thì thu được 14,35 g kết tủa. Nồng độ phần trăm của dung dịch HCl phản ứng là

A. 35,0%. B. 50,0%. C. 15,0%. D. 36,5%.

**Câu 68.**Cho 50 g CaCO3 tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl 20% (D =1,2g/ml). Khối lượng dung dịch HCl đã dùng là

A. 180,0 g B. 100,0 g C. 182,5 g D. 55,0 g.

**Câu 69.**Bao nhiêu gam KMnO4 và bao nhiêu ml dung dịch axit clohidric 1M để điều chế đủ khí Clo tác dụng với sắt tạo nên 32,5g FeCl3?

A. 19,86g; 958ml B. 18,96g; 960ml C. 18,86g; 720ml D. 18,68g; 880ml

**Câu 70.**Cho axit H2SO4 đặc tác dụng vừa đủ 29,25 gam NaCl đun nóng. Khí thu được hòa tan vào 73 gam H2O nồng độ % dung dịch thu được là:

A. 25% B. 20% C. 22% D. 23,5%

**Câu 71.**Hòa tan 2,24 lít khí hidro clorua (ĐKTC) vào 46,35 gam nước thu được dung dịch HCl có nồng độ là:

A.7,3% B. 73% C. 67% D. 6,7%

**Câu 72.**Có 2 dung dịch axit HCl có nồng độ 10% và 3%. Để thu được dung dịch HCl mới có nồng độ 5% thì phải trộn chúng theo tỷ lệ khối lượng là:

A. 2: 3 B. 2: 2 C. 2: 5 D. 3: 2

**Câu 73.**Khi trộn 200ml dung dịch HCl 2M với 300ml dung dịch HCl 4M thu được dung dịch mới có nồng độ là:

A. 3 mol/l B. 2,7 mol/l C. 3,2 mol/l D. 3,5 mol/l

**Câu 74.**Nồng độ mol/l của dung dịch axit HCl 18% (D = 1,09g/ml) là:

A. 4,5 mol/l B. 4,25 mol/l C. 5,375 mol/l D. 5,475 mol/l

**Câu 75.**Trộn lẫn 150ml dung dịch HCl 10% (d = 1,047) với 250ml dung dịch HCl 2M thì được dung dịch sau cùng có D = 1,038g/ml. Dung dịch này có nồng độ % và nồng độ mol là:

A. 2,5 mol/l và 12,5% B. 2,325 mol/l và 8,175%

C. 2,25 mol/l và 9,215% D. Kết quả khác

**Câu 76.**Khi cho 10,5g NaI vào 50ml dung dịch nước Br2 0,5M. Khối lượng NaBr thu được là:

 A. 3,45g; B. 4,67g; C. 5,15g; D. 8,75g.

**Câu 77.**Cho 2,06g muối Natri halogenua (A) tác dụng với dung dịch AgNO3 đủ thu được kết tủa (B). Kết tủa này sau khi phản ứng phân hủy hoàn toàn cho 2,16g Bạc. Muối A là:

 A. NaCl. B. NaBr C. NaI. D. NaF

**Câu 78.**Hoà tan 4,25g một muối halogen của kim loại kiềm vào nước được 200ml dung dịch A. Lấy 10ml dung dịch A cho phản ứng với một lượng dư dung dịch AgNO3 thu được 0,7175g kết tủa:

 Công thức muối đã dùng và nồng độ mol/l của dung dịch A là:

A) NaBr; 0,5M B) KCl; 0,25M C) NaCl; 0,25M D) LiCl; 0,5M

**Câu 79.**Hòa tan hoàn toàn 13g một kim loại hóa trị II bằng dung dịch HCl. Cô cạn dung dịch sau phản ứng được 27,2g muối khan. Kim loại đã dùng là:

 A. Fe B. Zn C. Mg D. Ba.

**Câu 80.**Hòa tan hết một lượng kim loại hóa trị II bằng dung dịch HCl 14,6% vừa đủ, thu được một dung dịch muối có nồng độ 18,19%. Kim loại đã dùng là:

 A: Fe B: Zn C: Mg D: Ca.

**Câu 81.**Cho 6,2g oxit kim loại hóa trị I tác dụng với nước dư được dung dịch A có tính kiềm. Chia A thành 2 phần bằng nhau:

Phần I tác dụng với 95ml dung dịch HCl 1M thấy dung dịch phản ứng làm xanh quỳ tím

Phần II tác dụng với 55ml dung dịch HCl 2M thấy dung dịch sau phản ứng làm đỏ quỳ tím.

Công thức oxit kim loại đã dùng là:

A. Li2O B. K2O. C. Na2O D. Rb2O

**Câu 82.**Hòa tan 3,96g hỗn hợp Mg và kim loại R (có khối lượng lớn hơn của Mg) hóa trị III vào 300ml dung dịch HCl 2M để trung hòa hết axit dư cần 180ml dung dịch NaOH 1M. Kim loại R và % khối lượng của nó trong hỗn hợp là:

A. Al; 78,7% B. Al; 81,82% C. Cr; 80,25% D. Cr; 79,76%

**Câu 83.**Clo hóa hoàn toàn 1,96g kim loại A được 5,6875g Muối clorua tương ứng. Để hòa tan vừa đủ 4,6g hỗn hợp gồm kim loại A và 1 ôxit của nó cần dùng 80ml dung dịch HCl 2M, còn nếu cho luồng H2 dư đi qua 4,6g hỗn hợp trên thì sau phản ứng thu được 3,64g chất rắn X. Công thức của ôxit kim loại A là:

A) ZnO B) FeO C) Fe2O3 D) Fe3O4

**Câu 84.**Cho 26,6g hỗn hợp KCl và NaCl hòa tan vào nước để được 50g dung dịch. Cho dung dịch trên tác dụng vừa đủ với dung dịch AgNO3 thu được 57,4g kết tủa. % Khối lượng mỗi muối trong hỗn hợp KCl, NaCl lần lượt là:

A. 45%; 55% B. 58%; 42% C. 565; 44% D. 60%; 40%.

**Câu 85.**Cho 100g dung dịch gồm NaCl và NaBr có nồng độ bằng nhau tác dụng vừa đủ với 100ml dung dịch AgNO3 8% (khối lượng riêng D = 1,0625g/ml). Nồng độ % của hai muối NaCl và NaBr là:

A. 1,865% B. 1,879% C. 1,685% D. 1,978%

**Câu 86.**Cho31,84g hỗn hợp NaX và NaY(X,Y là halogen ở 2 chu kỳ liên tiếp) vào dung dịch AgNO3 dư thì thu được 57,34 g kết tủa. Công thức của mỗi muối là:

 A. NaCl và NaBr C. NaBr và NaI

 B. NaBr và NaI D. Không xác định được

**Câu 87.**Dẫn hai luồng khí clo đi qua NaOH: dung dịch 1 loãng và nguội; dung dịch 2 đậm đặc và đun nóng đến 1000. Nếu lượng muối NaCl sinh ra trong 2dung dịch bằng nhau thì tỉ lệ thể tích clo đi qua hai dung dịch trên là:

 A. B. C. D.

**Câu88**. Cho 21 g hh 3 kim loại Fe, Zn, Al tan hoàn toàn trong dd HCl 0,5 M, thu được 13,44 lít H2 (ở đktc). Tính khối lượng muối khan thu được sau phản ứng và thể tích dd axit tối thiểu cần dùng?

**Câu89.** Hòa tan hoàn toàn 20 g hh Mg và Fe bằng dd HCl dư sau phản ứng thu được 11,2 lít khí (đktc) và dd X. Cô cạn dd X thì thu được bao nhiêu g muối khan?

**Câu90**. Hòa tan hoàn toàn 7,8 g hh Mg và Al bằng dd HCl dư. Sau phản ứng thu được 0,8 g H2. Tính số mol axit tham gia phản ứng và khối lượng mỗi kim loại trong hh đầu?

**Câu91.** Cho 13,5 gam hỗn hợp (Al, Fe, Mg) tác dụng với lượng dư dd HCl loãng nóng (trong điều kiện không có không khí), thu được dd X và 7,84 lít H2 (ở đktc). Cô cạn dd X thu được m gam muối khan. Giá trị của m là?

**Câu92**. Hoà tan hoàn toàn 10 gam hỗn hợp 2 kim loại trong dd HCl dư thấy tạo ra 2,24 lít khí H2 (đktc). Cô cạn dd sau phản ứng thu dược m gam muối khan. Giá trị của m là?

**Câu93**. Lấy 2,98 gam hỗn hợp X gồm Zn, Fe cho vào 200ml dd HCl 1M, sau khi phản ứng hoàn toàn cô cạn dd trong đk không có O2 thì được 6,53 gam chất rắn. Thể tích H2 bay ra ở đktc là

 A. 0,56 lít B. 1,12 lit C. 2,24 lít D. 4,48 lít

**Câu94**. Hòa tan hoàn toàn 10 gam hỗn hợp 2 kim loại đều đứng trước H2 trong dãy hoạt động hóa học trong dd axit HCl dư thấy tạo ra 2,24 lít H2 (đktc). Cô cạn dd sau phản ứng thu được m gam muối khan. Giá trị của m là?

 A. 15,1 g B. 16,1 g C. 17,1 g D. 18,1 g

**Câu 95**. Cho 24,4 gam hỗn hợp Na2CO3, K2CO3 tác dụng vừa đủ với dd BaCl2. Sau phản ứng thu được 30,4 gam kết tủa. Lọc tách kết tủa, cô cạn dd thu được m gam muối clorua khan. Vậy m có giá trị là bao nhiêu?

 A. 26,6 g B. 27,6 g C. 26,7 g D. 25,6 g

**Câu96**. Hòa tan 5,94 gam hỗn hợp 2 muối clorua của 2 kim loại X, Y thuộc nhóm IIA vào nước được 100ml dd Z. Để làm kết tủa hết Cl- có trong dd Z người ta dùng AgNO3 vừa đủ. Sau phản ứng thu được 17,22 gam kết tủa. Lọc bỏ kết tủa thu được dd T. Cô cạn dd T thu được m gam hỗn hợp muối khan. Tìm m?

 A. 9,20 B. 9,10 C. 9,21 D. 9,12

**Câu97**. Hòa tan 9 gam hợp kim Al, Mg trong dd HCl có 10,08 lít khí H2 bay ra ở đktc. Xác định thành phần % khối lượng mỗi kim loại trong hợp kim?

**Câu98**. Hòa tan 19,00 gam hỗn hợp Cu, Mg, Al vào dd axit HCl dư, sau phản ứng thu được 13,44 lít khí ở đktc và còn 6,40 gam chất rắn không tan. Hãy tính thành phần % khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp trên?

**Câu99**. Cho 22,2 gam hỗn hợp Al, Fe hòa tan hoàn toàn trong dd HCl thu được 13,44 lít H2 ở đktc. Hãy tính thành phần % khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp và khối lượng muối clorua khan thu được?

**Câu100**. Hòa tan 15,8 gam hỗn hợp Al, Mg và Fe vào 500 ml dd HCl 2,5M thu được 13,44 lít H2 (đo ở đktc) và dd A. trong hh có số mol Al bằng số mol Mg. Hãy tính thành phần % khối lượng mỗi kim loại trong hh đã hòa tan và tính khối lượng muối có trong dd A?